

Tiếng Việt

|                                                                    |    |
|--------------------------------------------------------------------|----|
| Về hướng dẫn sử dụng                                               | 3  |
| 1 Giới thiệu và Tổng quan                                          | 3  |
| 1.1 Mục Đích Sử Dụng                                               | 3  |
| 1.2 Chỉ Dẫn Sử Dụng                                                | 3  |
| 1.3 Chống Chỉ Định                                                 | 3  |
| 1.4 Chuyên Môn Của Người Điều Hành                                 | 3  |
| 1.5 Ký hiệu                                                        | 3  |
| 1.6 Tổng Quan Về Thành Phần Của i900 Mobility                      | 4  |
| 1.6.1 Các thành phần bổ sung (Được bán riêng)                      | 5  |
| 1.7 Thiết Lập Hệ Thống i900 Mobility                               | 5  |
| 1.7.1 Cài đặt cơ bản của hệ thống i900 Mobility                    | 5  |
| 1.7.2 Cách sử dụng hub không dây                                   | 6  |
| 1.7.3 Cách Sử Dụng Pin                                             | 6  |
| 1.7.4 Cách sử dụng bộ sạc pin                                      | 7  |
| 1.7.5 Cách đặt trên giá đỡ để bàn                                  | 7  |
| 1.7.6 Cách lắp giá đỡ treo tường                                   | 7  |
| 2 Tổng Quan Về Medit Scan for Clinics                              | 8  |
| 2.1 Giới thiệu chung                                               | 8  |
| 2.2 Cài đặt                                                        | 8  |
| 2.2.1 Các yêu cầu hệ thống                                         | 8  |
| 2.2.2 Hướng dẫn cài đặt phần mềm                                   | 8  |
| 2.2.3 Hướng Dẫn Sử Dụng Medit Scan for Clinics                     | 9  |
| 2.3 Thông báo lỗi                                                  | 9  |
| 3 Tổng quan Medit Link Express                                     | 9  |
| 3.1 Giới thiệu chung                                               | 9  |
| 3.2 Cài đặt                                                        | 9  |
| 3.2.1 Các yêu cầu hệ thống                                         | 9  |
| 3.2.2 Hướng dẫn cài đặt phần mềm                                   | 9  |
| 3.2.3 Hướng dẫn sử dụng Medit Link Express                         | 9  |
| 3.3 Thông báo lỗi                                                  | 9  |
| 4 Bảo trì                                                          | 10 |
| 4.1 Hiệu chuẩn                                                     | 10 |
| 4.1.1 Cách hiệu chuẩn i900 Mobility                                | 10 |
| 4.1.1.1 Cách hiệu chuẩn i900 Mobility trong Medit Scan for Clinics | 10 |
| 4.1.1.2 Cách hiệu chuẩn i900 Mobility trong Medit Link Express     | 10 |
| 4.2 Quy Trình Làm Sạch, Khử Khuẩn, Khử Trùng                       | 10 |
| 4.2.1 Mút tái sử dụng                                              | 10 |
| 4.2.2 Gương                                                        | 11 |
| 4.2.3 Tay Cầm                                                      | 11 |
| 4.2.4 Các Thành Phần Khác                                          | 11 |
| 4.3 Chất Thải                                                      | 11 |
| 4.4 Lưu Trữ Pin                                                    | 12 |
| 4.5 Đề Phòng Khi Sử Dụng Pin và Hướng Dẫn Thải Bỏ                  | 12 |
| 4.6 Cập nhật phần mềm                                              | 12 |
| 4.6.1 Cập Nhật Medit Scan for Clinics                              | 12 |
| 4.6.2 Cập nhật trong Medit Link Express                            | 12 |
| 5 Hướng Dẫn An Toàn                                                | 13 |
| 5.1 Khái Niệm Cơ Bản Về Hệ Thống                                   | 13 |
| 5.2 Đào Tạo Tiêu Chuẩn                                             | 13 |
| 5.3 Trong Trường Hợp Thiết Bị Bị Lỗi                               | 13 |
| 5.4 Vệ Sinh                                                        | 14 |
| 5.5 An Toàn Điện                                                   | 14 |
| 5.6 An Toàn Mắt                                                    | 14 |
| 5.7 Nguy Cơ Gây Nổ                                                 | 14 |
| 5.8 Máy Tạo Nhịp Và Rủi Ro Nhiều ICD                               | 14 |
| 5.9 An toàn an ninh mạng                                           | 14 |
| 6 Thông Tin Tương Thích Điện Tử                                    | 15 |
| 6.1 Khí thải điện tử                                               | 15 |
| 6.2 Miễn Dịch Điện Tử                                              | 15 |
| 7 Thông Tin Về Việc Tuân Thủ Kết Nối Không Dây                     | 18 |
| 7.1 Tuyên bố Tuân thủ FCC                                          | 18 |
| 7.2 Tuyên Bố Tuân Thủ IC                                           | 18 |
| 7.3 Tuyên bố tuân thủ KC                                           | 18 |
| 7.4 Tuyên bố Tuân thủ của TELECOM (Nhật Bản)                       | 18 |
| 8 Thông Tin Chi Tiết                                               | 19 |

Về hướng dẫn sử dụng

Quy ước trong Hướng dẫn này

Hướng dẫn này dùng các ký hiệu khác nhau để làm nổi bật những thông tin quan trọng nhằm đảm bảo cách sử dụng chính xác, tránh gây thương tích cho người dùng và những người khác, cũng như ngăn ngừa thiệt hại về tài sản. Ý nghĩa của các ký hiệu được mô tả dưới đây.

 **CẢNH BÁO**

Ký hiệu CẢNH BÁO cho biết những thông tin, nếu không được chú ý, có thể dẫn đến rủi ro trung bình về thương tích cá nhân.

 **CẨN TRỌNG**

Biểu tượng CẨN TRỌNG cho biết những thông tin an toàn, nếu không chú ý, có thể dẫn đến rủi ro nhẹ về thương tích cá nhân, hư hỏng tài sản hoặc hư hỏng hệ thống.

 **LỜI KHUYÊN**

Biểu tượng LỜI KHUYÊN đưa ra các gợi ý, mẹo và thông tin bổ sung để có thể tối ưu các hoạt động của hệ thống.

1. Giới thiệu và Tổng quan

1.1 Mục Đích Sử Dụng

Hệ thống i900 Mobility là một máy quét 3D trong miệng nhằm ghi lại các đặc điểm địa hình của răng và các mô xung quanh bằng kỹ thuật số. Hệ thống i900 Mobility tạo ra bản quét 3D để sử dụng trong thiết kế và sản xuất phục hình nha khoa với sự hỗ trợ của máy tính.

1.2 Chỉ Dẫn Sử Dụng

Hệ thống i900 Mobility dùng để quét các đặc điểm trong miệng của bệnh nhân. Các yếu tố (môi trường trong miệng, chuyên môn của người vận hành và quy trình làm việc của phòng thí nghiệm) có thể ảnh hưởng đến kết quả quét cuối cùng khi sử dụng hệ thống i900 Mobility.

1.3 Chống Chỉ Định

Hệ thống i900 Mobility không được dùng để tạo ra các hình ảnh về cấu trúc bên trong của răng hoặc cấu trúc xương hỗ trợ.

1.4 Chuyên Môn Của Người Điều Hành

 **CẨN TRỌNG**

- Hệ thống i900 Mobility được thiết kế để sử dụng cho các cá nhân có kiến thức chuyên môn về nha khoa và công nghệ phòng thí nghiệm nha khoa.
- Người sử dụng hệ thống i900 Mobility hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc thẩm định xem thiết bị này có phù hợp với trường hợp và hoàn cảnh của một bệnh nhân cụ thể hay không.
- Người dùng hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn thiện và đầy đủ của tất cả dữ liệu được nhập vào hệ thống i900 Mobility và phần mềm được cung cấp.
- Người dùng nên kiểm tra độ chính xác của kết quả và đánh giá từng trường hợp cụ thể.
- Hệ thống i900 Mobility phải được dùng theo các Hướng dẫn sử dụng đi kèm.
- Việc sử dụng hoặc xử lý hệ thống i900 Mobility không đúng cách sẽ không được áp dụng bảo hành.
- Nếu bạn cần thêm thông tin về cách sử dụng hợp lý hệ thống i900 Mobility, vui lòng liên hệ với nhà phân phối tại địa phương để biết thêm chi tiết.
- Người dùng không được phép sửa đổi hệ thống i900 Mobility.

1.5 Ký hiệu

| Số thứ tự. | Ký hiệu                                                                             | Mô tả                                          |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1          |  | Số seri                                        |
| 2          |  | Thiết bị y tế                                  |
| 3          |  | Ngày sản xuất                                  |
| 4          |  | Nơi sản xuất                                   |
| 5          |  | Cẩn trọng                                      |
| 6          |  | Cảnh báo                                       |
| 7          |  | Đọc hướng dẫn sử dụng                          |
| 8          |  | Dấu chứng nhận phù hợp Châu Âu                 |
| 9          |  | Đại diện được ủy quyền trong cộng đồng Châu Âu |
| 10         |  | Chế độ bảo vệ BF cho các bộ phận ứng dụng      |
| 11         |  | Chất thải từ thiết bị điện và điện tử          |
| 12         |  | Sử dụng theo toa (U.S.A)                       |
| 13         |  | Nemko NRTL/C Mark                              |
| 14         |  | Dòng điện xoay chiều                           |
| 15         |  | Dòng điện một chiều                            |
| 16         |  | Giới hạn nhiệt độ                              |
| 17         |  | Giới hạn độ ẩm                                 |
| 18         |  | Giới hạn áp suất khí quyển                     |
|            |                                                                                     |                                                |
|            |                                                                                     |                                                |

|    |                                                                                     |                                                  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|    |                                                                                     |                                                  |
| 19 |  | Đễ vỡ                                            |
| 20 |  | Để ở nơi khô ráo                                 |
| 21 |  | Vị trí hướng lên trên                            |
| 22 |  | Giới hạn xếp chồng: 7 lớp                        |
| 23 |  | Tham khảo hướng dẫn sử dụng                      |
| 24 |  | Dấu chứng nhận phù hợp của Vương quốc Anh (UKCA) |
| 25 |  | Đại diện được ủy quyền tại Thụy Sĩ               |
| 26 |  | Đại diện được ủy quyền tại Vương quốc Anh        |
| 27 |  | Số model                                         |
| 28 |  | Số lượng                                         |
| 29 |  | Mã định danh thiết bị duy nhất                   |
| 30 |  | Không tiết trùng                                 |
| 31 |  | Chế độ Standby                                   |

1.6 Tổng Quan Về Thành Phần Của i900 Mobility

| Số thứ tự. | Thành phần (Số mẫu)                                                                                                                                                                            | Số lượng | Hình minh họa                                                                         |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Máy quét cầm tay i900 Mobility                                                                                                                                                                 | 1 mẫu    |    |
| 2          | Nắp thân máy quét i900 Mobility (MO1-HC1)                                                                                                                                                      | 1 mẫu    |    |
| 3          | Hub không dây (MO3-WFH)                                                                                                                                                                        | 1 mẫu    |    |
| 4          | Giá treo tường (MO3-WH1)                                                                                                                                                                       | 1 mẫu    |   |
| 5          | Bộ cáp Power Delivery (2 m/30 cm)(MO3-PD4) <ul style="list-style-type: none"><li>Cáp Power Delivery (30 cm) – 1 chiếc (MO3-PD3)</li><li>Cáp Power Delivery (2 m) – 1 chiếc (MO1-PD2)</li></ul> | 1 bộ     |  |
| 6          | Bộ pin sạc (MO3-REBP) <ul style="list-style-type: none"><li>Pin sạc – 3 chiếc (MO3-REB)</li></ul>                                                                                              | 1 bộ     |  |
| 7          | Bộ Medit Power Adapter 7 (MO3-MPAP) <ul style="list-style-type: none"><li>Medit Power Adapter (CDM045A3-W200V)</li><li>7 loại phần kết nối (MA1-MPA)</li></ul>                                 | 1 bộ     |  |
| 8          | Bộ sạc pin (MO3-BC1)                                                                                                                                                                           | 1 mẫu    |  |
| 9          | Cáp sạc (2 m) (MA1-CC1)                                                                                                                                                                        | 1 mẫu    |  |
| 10         | Bộ đầu quét tái sử dụng (MO1-RTP) <ul style="list-style-type: none"><li>Đầu quét tái sử dụng (Lớn) – 2 chiếc (MO1-RTL)</li><li>Đầu quét tái sử dụng (Trung bình) – 2 chiếc (MO1-RTM)</li></ul> | 1 bộ     |  |
| 11         | Công cụ hiệu chuẩn (MO1-CT1)                                                                                                                                                                   | 1 mẫu    |  |
| 12         | Mô hình thực hành                                                                                                                                                                              | 1 mẫu    |  |
| 13         | Ổ USB flash (Bao gồm chương trình cài đặt Medit Scan for Clinics)                                                                                                                              | 1 mẫu    |  |
| 14         | Hướng dẫn sử dụng                                                                                                                                                                              | 1 mẫu    |  |

| 1.6.1 Các thành phần bổ sung (Được bán riêng) |                                                                                                 |          |               |
|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------|
| Số thứ tự.                                    | Thành phần (Số mẫu)                                                                             | Số lượng | Hình minh họa |
| 1                                             | Bộ đầu quét tái sử dụng (Lớn) (MO1-RTL)<br>▪ Đầu quét tái sử dụng (Lớn) – 4 chiếc               | 1 bộ     |               |
| 2                                             | Bộ đầu quét tái sử dụng (Trung bình) (MO1-RTM)<br>▪ Đầu quét tái sử dụng (Trung bình) – 4 chiếc | 1 bộ     |               |
| 3                                             | Bộ đầu quét tái sử dụng (Nhỏ) (MO1-RTS)<br>▪ Đầu quét tái sử dụng (Nhỏ) – 4 chiếc               | 1 bộ     |               |

- Bạn có thể mua riêng tất cả thành phần được liệt kê trong mục 1.6 & 1.6.1.
- Tình trạng hàng bán có thể khác nhau tùy thuộc vào trạng thái đăng ký thiết bị y tế ở mỗi quốc gia hoặc khu vực. Vui lòng liên hệ với Medit hoặc nhà phân phối tại địa phương để kiểm tra tình trạng hàng cụ thể.

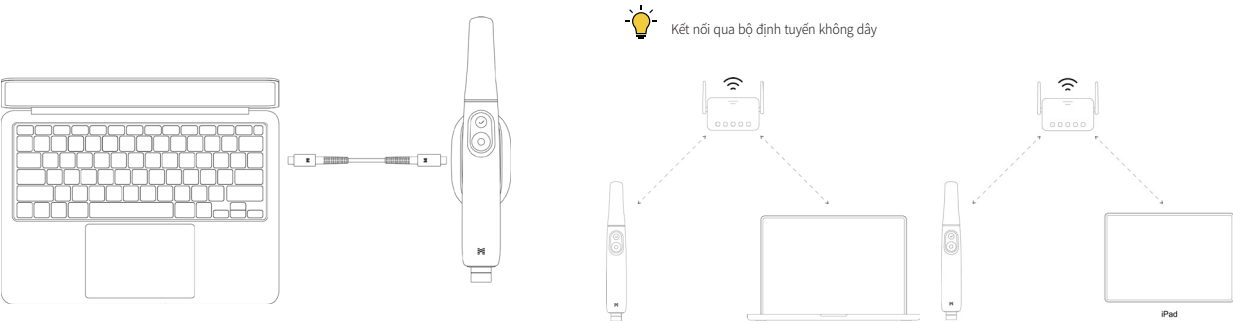
**⚠ CẢNH TRỌNG**

- Để mô hình thực hành ở nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Mô hình thực hành bị đổi màu có thể ảnh hưởng đến kết quả của chế độ thực hành.
- Medit Scan for Clinics được bao gồm trong ổ USB. Sản phẩm này được tối ưu hóa cho PC và không khuyến khích sử dụng các thiết bị khác. Không sử dụng bất kỳ thứ gì khác ngoài cổng USB. Nó có thể gây ra sự cố hoặc cháy.
- Medit Link Express có sẵn để tải xuống trên App Store. Sản phẩm này được tối ưu hóa cho môi trường iPad và Mac desktop. Không khuyến khích sử dụng trên các thiết bị khác.

**1.7 Thiết Lập Hệ Thống i900 Mobility**

**1.7.1 Cài đặt cơ bản của hệ thống i900 Mobility**

Kết nối hub không dây i900 Mobility



- Nối cáp Power Delivery 30 cm hoặc 2 m với hub không dây.
- Nối đầu còn lại của cáp Power Delivery với máy tính hoặc iPad.

Ngay cả khi chưa kết nối hub không dây với máy tính hoặc iPad, máy quét vẫn có thể kết nối với phần mềm, cả Medit Scan for Clinics và Medit Link Express, qua bộ định tuyến không dây.

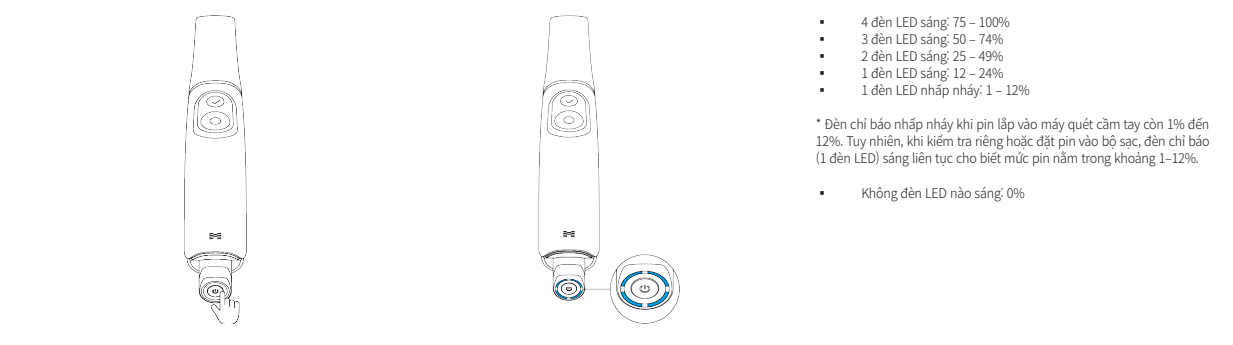
Nếu kết nối Wi-Fi trực tiếp giữa máy quét và máy tính hoặc iPad không ổn định, hãy kết nối qua hub không dây.

**⚠ CẢNH TRỌNG**

Medit Link Express khả dụng với iPadOS và macOS.

Khởi động i900 Mobility

- Lắp pin vào máy quét cầm tay i900 Mobility rồi nhấn nút nguồn một lần.
- Khi được cấp nguồn, đèn LED phía sau sẽ sáng lên.
- Bốn đèn LED trên đồng hồ đo mức nhiên liệu của pin cho biết mức pin còn lại:



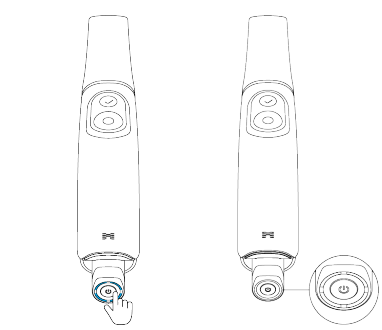
- 4 đèn LED sáng: 75 – 100%
- 3 đèn LED sáng: 50 – 74%
- 2 đèn LED sáng: 25 – 49%
- 1 đèn LED sáng: 12 – 24%
- 1 đèn LED nhấp nháy: 1 – 12%

\* Đèn chỉ báo nhấp nháy khi pin lắp vào máy quét cầm tay còn 1% đến 12%. Tuy nhiên, khi kiểm tra riêng hoặc đặt pin vào bộ sạc, đèn chỉ báo (1 đèn LED) sáng liên tục cho biết mức pin nằm trong khoảng 1-12%.

- Không đèn LED nào sáng: 0%

**Tắt i900 Mobility**

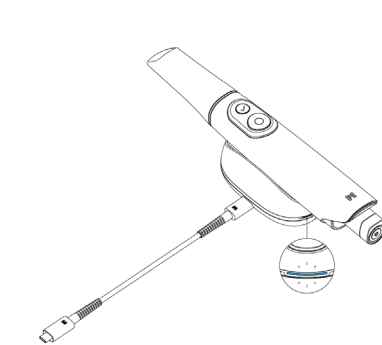
Nhấn và giữ nút nguồn cho đến khi đèn LED phía sau tắt. Tháo pin sạc mà không tắt sản phẩm có thể làm giảm tuổi thọ của cả máy quét cầm tay và pin.



**1.7.2 Cách sử dụng hub không dây**

i900 Mobility là thiết bị không dây hoạt động qua mô-đun không dây. Vì lý do này, tay cầm i900 Mobility có một bộ phát và hub không dây có một bộ thu. Hệ thống i900 Mobility sử dụng tần số Wi-Fi 6E để truyền dữ liệu và điều khiển máy quét cầm tay.

Nguồn được cấp bằng cách dùng cáp power delivery kết nối hub không dây với máy tính. Ngắt kết nối cáp sẽ tắt nguồn.



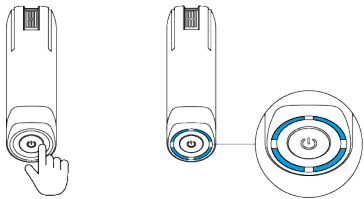
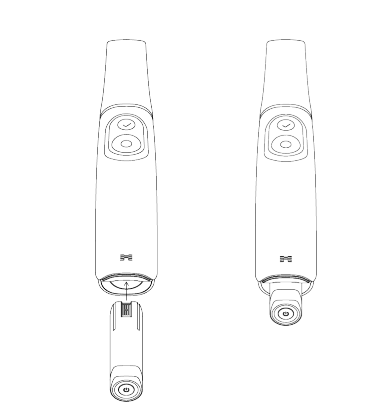
Khi được bật, máy quét cầm tay và hub không dây sẽ sẵn sàng ghép nối với nhau. Kết nối không dây chỉ khả dụng trong Medit Scan for Clinics hoặc Medit Link Express. Người dùng cần tiến hành quy trình kết nối ban đầu, sau đó thiết bị sẽ tự động kết nối mỗi lần dùng, trừ khi bị đặt lại cài đặt ghép nối.

- i900 Mobility sử dụng hai mô-đun ăng-ten: 6 GHz để truyền dữ liệu và 2.4 GHz để điều khiển.
- Tần suất thực tế phụ thuộc vào quy định của địa phương.
- Phạm vi hoạt động thực tế lên đến 2 mét và có thể thay đổi tùy theo môi trường.
- Tần số 5 GHz: 5210 – 5855 MHz
- Tần số 6 GHz: 6025 – 6985 MHz
- Tần số 2.4 GHz: 2402 – 2480 MHz

⚠ Bằng tần Wi-Fi 6 GHz có thể không khả dụng ở một số quốc gia do các hạn chế theo quy định, bao gồm Brazil, China, Ecuador, India, Nicaragua, Panama, Russia, Ukraine và Uruguay.

**1.7.3 Cách Sử Dụng Pin**

- Pin sạc
  - » Li-ion
  - » 3.6 V DC, 3150 mAh, 11.34 Wh
  - » Lắp pin vào tay cầm i900 Mobility với đầu nối được căn chỉnh chính xác.
- Thời lượng pin có thể kéo dài đến 1 giờ.
- Khi pin ở chế độ đọc lập (tháo khỏi máy quét cầm tay), nhấn một lần vào nút nguồn trên đây pin sẽ cho biết mức pin qua đèn LED.

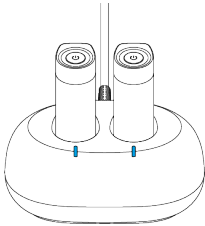
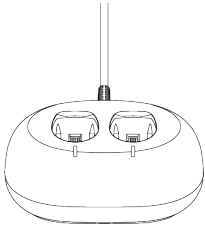


Tuổi thọ pin có thể thay đổi tùy thuộc vào môi trường người dùng và số chu kỳ pin.

1.7.4 Cách sử dụng bộ sạc pin

- Dùng cáp sạc nối Medit Power Adapter với cổng nguồn của bộ sạc pin. Ngắt kết nối cáp sạc sẽ tắt nguồn.

Lắp pin sạc lại vào bộ sạc với các cực sạc theo hướng chính xác.



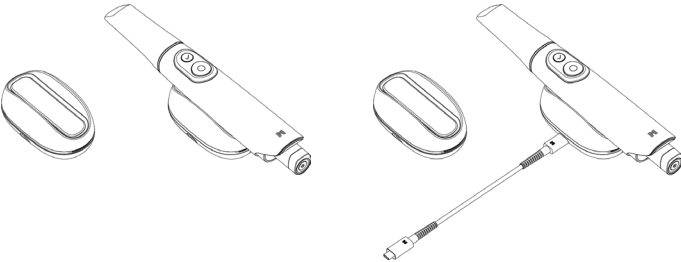
- Bộ sạc chỉ dành cho pin sạc. Có thể cần tới 2 giờ để sạc đầy và thời gian sạc có thể thay đổi tùy thuộc vào môi trường sử dụng và số chu kỳ sạc.

Đèn LED trên bộ sạc sáng màu trắng khi bộ sạc đã được cấp nguồn điện mà chưa đặt pin vào. Bộ sạc nhấp nháy màu xanh dương khi pin đang sạc và sáng ổn định màu xanh dương khi pin đã sạc đầy.

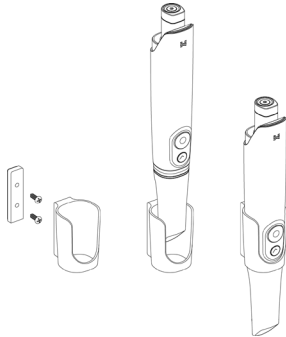
Nếu pin không được lắp đúng vào bộ sạc, đèn LED trên bộ sạc sẽ nhấp nháy màu đỏ. Trong trường hợp này, hãy tháo pin ra khỏi bộ sạc, kiểm tra cả hai cực của pin và bộ sạc xem có vật thể lạ không, lau nhẹ bằng vải mềm rồi lắp pin lại.

1.7.5 Cách đặt trên giá đỡ để bàn

Hub không dây được thiết kế và có chức năng tương tự giá đỡ máy tính để bàn.



1.7.6 Cách lắp giá đỡ treo tường



2. Tổng Quan Về Medit Scan for Clinics

2.1 Giới thiệu chung

Medit Scan for Clinics cung cấp giao diện làm việc thân thiện với người dùng để ghi lại thông số kỹ thuật của các đặc điểm địa hình của răng và các mô xung quanh bằng hệ thống i900 Mobility.

2.2 Cài đặt

2.2.1 Các yêu cầu hệ thống

| Windows                |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                | macOS                                                                                                                                                                      |
|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Máy tính               |                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Màn hình                                       | Máy tính xách tay/Máy tính để bàn                                                                                                                                          |
| Bộ xử lý               | Intel Core i7 – 14700HX<br>Intel Core i7 – 13700H<br>Intel Core Ultra 7 – 155H                                                                                                                                                                                                      | Intel Core i7 – 14700<br>Intel Core i7 – 13700 | M1 Pro (10-core CPU, 16-core GPU)<br>M2 (8-core CPU, 10-core GPU)<br>M2 Pro (10-core CPU, 16-core GPU)<br>M3 (8-core CPU, 10-core GPU)<br>M3 Pro (8-core CPU, 10-core GPU) |
|                        | AMD Ryzen 7 8745H<br>AMD Ryzen 7 7735H                                                                                                                                                                                                                                              | AMD Ryzen 7 8700F<br>AMD Ryzen 7 7700X         |                                                                                                                                                                            |
| Bộ nhớ tạm             | 32 GB                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                | 24 GB                                                                                                                                                                      |
| Cấu hình               | NVIDIA GeForce RTX 5060 (VRAM 8 GB trở lên)<br>*Tương thích với Medit Scan for Clinics v1.13.3 trở lên.<br>NVIDIA GeForce RTX 4060 (VRAM 8 GB trở lên)<br>NVIDIA GeForce RTX 3070 (VRAM 8 GB trở lên)<br>NVIDIA RTX A3000 (VRAM 8 GB trở lên)<br>*AMD Radeon thì không được hỗ trợ. |                                                | -                                                                                                                                                                          |
| Tổng quan hệ điều hành | Windows 10 64-bit<br>Windows 11 (khuyến nghị cho Intel Core thế hệ 12 trở lên) Đồ họa                                                                                                                                                                                               |                                                | Sonoma 14, Sequoia 15 hoặc cao hơn                                                                                                                                         |

Yêu cầu hệ thống tối thiểu

| Windows                |                                                                                                                                                                          |                                                | macOS                                                       |
|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Máy tính               |                                                                                                                                                                          | Màn hình                                       | Máy tính xách tay/Máy tính để bàn                           |
| Bộ xử lý               | Intel Core i5 – 14500HX<br>Intel Core i5 – 13500H<br>Intel Core Ultra 5 – 125H                                                                                           | Intel Core i5 – 14400<br>Intel Core i5 – 13400 | M3 (8-core CPU, 8-core GPU)<br>M4 (10-core CPU, 8-core GPU) |
|                        | AMD Ryzen 5 8640U<br>AMD Ryzen 5 7640H                                                                                                                                   | AMD Ryzen 5 8600G<br>AMD Ryzen 5 7600          |                                                             |
| Bộ nhớ tạm             | 16 GB                                                                                                                                                                    |                                                | 16 GB                                                       |
| Cấu hình               | NVIDIA GeForce RTX 4050 (VRAM 6 GB trở lên)<br>NVIDIA GeForce RTX 3060 (VRAM 6 GB trở lên)<br>NVIDIA RTX A2000 (VRAM 6 GB trở lên)<br>*AMD Radeon thì không được hỗ trợ. |                                                | -                                                           |
| Tổng quan hệ điều hành | Windows 10 64-bit<br>Windows 11 (khuyến nghị cho Intel Core thế hệ 12 trở lên) Đồ họa                                                                                    |                                                | Sonoma 14, Sequoia 15 hoặc cao hơn                          |

Yêu cầu về bộ định tuyến

|          |                                                         |
|----------|---------------------------------------------------------|
| Standard | Wi-Fi 6 (802.11ax) Cần Wi-Fi 6E để dùng băng tần 6 GHz. |
|----------|---------------------------------------------------------|

- Để biết các yêu cầu chính xác và mới nhất của hệ thống, vui lòng truy cập [www.meditlink.com](http://www.meditlink.com).
- Sử dụng máy tính và màn hình được chứng nhận IEC 62368-1 (hoặc IEC 60950-1), IEC 55032 và IEC 55024.
- Thiết bị có thể không hoạt động được khi sử dụng cáp không phải cáp nối USB 3.0 do Medit cung cấp. Medit không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự cố nào gây ra bởi các loại cáp khác với cáp nối USB 3.0 do Medit cung cấp. Đảm bảo chỉ sử dụng cáp USB 3.0 được cấp trong gói hàng.
- Băng tần Wi-Fi 6 GHz có thể không khả dụng ở một số quốc gia do các hạn chế theo quy định, bao gồm Brazil, China, Ecuador, India, Nicaragua, Panama, Russia, Ukraine và Uruguay.

2.2.2 Hướng dẫn cài đặt phần mềm

- 1 Kết nối ổ USB flash kèm theo với PC.
- 2 Chạy tệp cài đặt.
- 3 Chọn ngôn ngữ thiết lập và nhấp vào "Next".
- 4 Chọn đường dẫn cài đặt.
- 5 Đọc kỹ "License Agreement", chọn "I agree to the License terms and conditions" và sau đó nhấp vào "Install".
- 6 Quá trình cài đặt có thể mất vài phút. Vui lòng không tắt máy tính cho đến khi quá trình cài đặt hoàn tất.
- 7 Sau khi cài đặt xong, khởi động lại PC để đảm bảo chương trình được hoạt động tối ưu.

Quá trình cài đặt sẽ không được xử lý khi hệ thống i900 Mobility được kết nối với máy tính cá nhân. Vui lòng tắt máy quét trước khi bắt đầu cài đặt.

2.2.3 Hướng Dẫn Sử Dụng Medit Scan for Clinics

Vui lòng tham khảo Hướng Dẫn Sử dụng Medit Scan for Clinics theo các bước sau: Medit Scan for Clinics > Menu > User Guide.

2.3 Thông báo lỗi

Hệ thống máy quét i900 Mobility hiển thị thông báo lỗi, cho phép người dùng xác định trực quan tình trạng phần cứng và hệ thống. Một số thông báo bao gồm các giải pháp hỗ trợ người dùng tự chẩn đoán và giải quyết vấn đề.

Thông báo lỗi được trình bày dưới dạng văn bản thuần túy và bổ sung hình ảnh khi cần thiết để nâng cao khả năng hiểu.

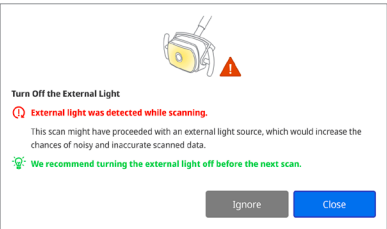
**Connection failed.**

Failed to connect to the cameras. Please follow the instructions below and try again.

- Press the "Retry" button. Device will automatically reboot and try to connect again.
- Turn off the device and disconnect all cables from the PC. Connect cables again and restart the device.
- If connection problem persists, please install the program again.
- If connection problem persists, please contact your service provider.

Cancel

Retry



 CẢN TRỌNG

Nếu hướng dẫn được cung cấp trong thông báo lỗi không giải quyết được vấn đề, vui lòng liên hệ với nhà phân phối địa phương nơi bạn mua hệ thống máy quét hoặc support@medit.com.

3. Tổng quan Medit Link Express

3.1 Giới thiệu chung

Medit Link Express có giao diện dễ dùng để ghi lại đặc điểm địa hình của răng và mô xung quanh thông qua hệ thống i900 Mobility.

3.2 Cài đặt

3.2.1 Các yêu cầu hệ thống

| Yêu cầu hệ thống tối thiểu |                                       |
|----------------------------|---------------------------------------|
| iPad (iPadOS)              |                                       |
| Loại                       | Apple iPad Pro (Thế hệ thứ 7) trở lên |
| Bộ xử lý                   | M4 trở lên                            |
| CPU/GPU                    | GPU 10 lõi trở lên                    |
| Bộ nhớ tạm                 | 16 GB trở lên                         |
| Tổng quan hệ điều hành     | iPadOS 26.0 trở lên                   |
| Dung lượng lưu trữ         | 1 TB trở lên                          |
| macOS                      |                                       |
|                            | N/A                                   |
|                            | M1/M2 trở lên                         |
|                            | CPU 8 lõi trở lên                     |
|                            | 16 GB trở lên                         |
|                            | macOS 15.0 (Sequoia) trở lên          |
|                            | N/A                                   |

| Yêu cầu về bộ định tuyến |                                                         |
|--------------------------|---------------------------------------------------------|
| Standard                 | Wi-Fi 6 (802.11ax) Cần Wi-Fi 6E để dùng băng tần 6 GHz. |

 Để biết các yêu cầu chính xác và mới nhất của hệ thống, vui lòng truy cập [www.meditlink.com](http://www.meditlink.com).

 Sử dụng iPad và màn hình được chứng nhận IEC 62368-1 (hoặc IEC 60950-1), IEC 55032 và IEC 55024.

 Băng tần Wi-Fi 6 GHz có thể không khả dụng ở một số quốc gia do các hạn chế theo quy định, bao gồm Brazil, China, Ecuador, India, Nicaragua, Panama, Russia, Ukraine và Uruguay.

3.2.2 Hướng dẫn cài đặt phần mềm

- Mở App Store rồi tìm kiếm Medit Link Express.
- Tải xuống ứng dụng.
- Chạy ứng dụng.

3.2.3 Hướng dẫn sử dụng Medit Link Express

Vui lòng tham khảo Hướng dẫn sử dụng Medit Link Express: Medit Link Express > Cài đặt > Hướng dẫn sử dụng.

3.3 Thông báo lỗi

Hệ thống máy quét i900 Mobility hiển thị thông báo lỗi, cho phép người dùng xác định trực quan tình trạng phần cứng và hệ thống. Một số thông báo bao gồm các giải pháp hỗ trợ người dùng tự chẩn đoán và giải quyết vấn đề.

Thông báo lỗi được trình bày dưới dạng văn bản thuần túy và bổ sung hình ảnh khi cần thiết để nâng cao khả năng hiểu.

 CẢN TRỌNG

Nếu hướng dẫn được cung cấp trong thông báo lỗi không giải quyết được vấn đề, vui lòng liên hệ với nhà phân phối địa phương nơi bạn mua hệ thống máy quét hoặc support@medit.com.

4. Bảo trì

 CẢN TRỌNG

- Việc bảo trì thiết bị chỉ nên được thực hiện bởi nhân viên Medit hoặc công ty hoặc cá nhân được Medit chứng nhận.
- Nhìn chung, người dùng không bắt buộc phải thực hiện công việc bảo trì trên hệ thống i900 Mobility bên cạnh việc hiệu chuẩn, làm sạch và khử trùng. Không yêu cầu việc kiểm tra phòng ngừa và bảo trì thường xuyên khác.

4.1 Hiệu chuẩn

Cần phải hiệu chuẩn định kỳ để tạo ra các mô hình 3D chính xác. Bạn nên thực hiện hiệu chuẩn khi:

- Chất lượng của mô hình 3D không đáng tin cậy hoặc không chính xác khi so sánh với các kết quả trước đó.
- Điều kiện môi trường như nhiệt độ đã thay đổi.
- Thời hạn hiệu chuẩn đã hết.
- Bạn có thể đặt thời gian hiệu chuẩn trong cài đặt:
  - Medit Scan for Clinics: Menu > Cài đặt > Thời gian hiệu chuẩn (Ngày)
  - Medit Link Express: Cài đặt > Thông tin máy quét > Thời gian hiệu chuẩn

 Bảng hiệu chuẩn là một bộ phận dễ vỡ. Không chạm trực tiếp vào bảng điều khiển. Kiểm tra bảng hiệu chuẩn nếu quá trình hiệu chuẩn không được thực hiện chính xác. Nếu bảng hiệu chuẩn bị nhiễm bẩn, vui lòng liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

 Nếu dụng cụ hiệu chuẩn bị để lâu ở nơi có nhiệt độ thấp dưới mức khuyến nghị của Medit được đề cập trong hướng dẫn sử dụng và bảo quản, chuyển động xoay của thiết bị có thể bị ảnh hưởng. Trong trường hợp đó, xoay thiết bị mạnh có thể gây hư hỏng. Để tránh điều đó, hãy giữ dụng cụ hiệu chuẩn trong môi trường nhiệt độ được khuyến nghị trước khi sử dụng.

 Chúng tôi khuyến bạn nên thực hiện hiệu chuẩn định kỳ.

4.1.1 Cách hiệu chuẩn i900 Mobility

4.1.1.1 Cách hiệu chuẩn i900 Mobility trong Medit Scan for Clinics

- Bật i900 Mobility và khởi động Medit Scan for Clinics.
- Chạy Trình hướng dẫn hiệu chuẩn ở cuối bảng thanh công cụ chính trong Medit Scan for Clinics.
- Chuẩn bị máy quét cầm tay và công cụ hiệu chuẩn.
- Xoay mặt số của dụng cụ hiệu chuẩn về vị trí bắt đầu.
- Đặt máy quét cầm tay vào công cụ hiệu chuẩn.
- Nhấp vào "Next" để bắt đầu quá trình hiệu chuẩn.
- Nếu công cụ hiệu chuẩn được lắp đúng vào đúng vị trí, hệ thống sẽ tự động thu thập dữ liệu.
- Khi việc thu thập dữ liệu hoàn tất ở vị trí bắt đầu, hãy xoay mặt số sang vị trí tiếp theo.
- Lặp lại các bước đến vị trí cuối cùng.
- Khi thu thập dữ liệu hoàn tất ở vị trí cuối cùng, hệ thống sẽ tự động tính toán và hiển thị kết quả hiệu chuẩn.

4.1.1.2 Cách hiệu chuẩn i900 Mobility trong Medit Link Express

- Bật i900 Mobility và khởi động Medit Link Express.
- Điều hướng đến Medit Link Express > Cài đặt > Thông tin máy quét > Hiệu chuẩn, rồi chạy Trình hướng dẫn hiệu chuẩn.
- Chuẩn bị máy quét cầm tay và công cụ hiệu chuẩn.
- Xoay mặt số của dụng cụ hiệu chuẩn về vị trí bắt đầu.
- Đặt máy quét cầm tay vào công cụ hiệu chuẩn.
- Nhấp vào "Calibrate Now" để bắt đầu quá trình hiệu chuẩn.
- Nếu công cụ hiệu chuẩn được lắp đúng vào đúng vị trí, hệ thống sẽ tự động thu thập dữ liệu.
- Khi việc thu thập dữ liệu hoàn tất ở vị trí bắt đầu, hãy xoay mặt số sang vị trí tiếp theo.
- Lặp lại các bước đến vị trí cuối cùng.
- Khi thu thập dữ liệu hoàn tất ở vị trí cuối cùng, hệ thống sẽ tự động tính toán và hiển thị kết quả hiệu chuẩn.

4.2 Quy Trình Làm Sạch, Khử Khuẩn, Khử Trùng

4.2.1 Mút tái sử dụng

Đầu quét tái sử dụng được sử dụng trong miệng trong quá trình quét và được thiết kế để tái sử dụng hạn chế. Trước khi tái sử dụng giữa các bệnh nhân, đầu quét phải được làm sạch và được khử khuẩn hoặc tiệt trùng để ngăn ngừa lây nhiễm chéo.

Làm sạch và Sát khuẩn

- Chuẩn bị dụng dịch tẩy rửa.
  - Pha loãng chất tẩy rửa trung tính thông thường theo tỷ lệ 1:100 trước khi sử dụng.
- Vệ sinh các đầu quét tái sử dụng bằng dung dịch tẩy rửa và bàn chải.
  - Đảm bảo rằng gương của đầu quét hoàn toàn sạch sẽ và không có vết bẩn. Nếu gương có vết bẩn hoặc bị mờ, hãy lặp lại quy trình vệ sinh.

 CẢN TRỌNG

» Đầu quét tái sử dụng có cấu trúc phức tạp và việc vệ sinh tự động có thể không đạt được trạng thái hoàn toàn sạch sẽ; do đó, không vệ sinh đầu quét tái sử dụng bằng thiết bị rửa tự động.

- Rửa sạch đầu quét tái sử dụng ba lần bằng nước tinh khiết.
- Loại bỏ độ ẩm bằng khăn giấy và để chúng khô hoàn toàn ở nhiệt độ phòng trong ít nhất 80 phút.
- Khử trùng đầu quét tái sử dụng bằng chất khử trùng có chứa Isopropyl Alcohol (IPA) nồng độ 15% trở xuống trong 1 phút. Sau đó, đảm bảo để chúng khô hoàn toàn ở nhiệt độ phòng trong ít nhất 5 phút.
  - Trước khi dùng sản phẩm khử trùng khác, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng sản phẩm để sử dụng đúng cách.
  - Bạn có thể tìm thấy danh sách các chất khử trùng được khuyến dùng trong Trung tâm trợ giúp Medit tại <http://support.medit.com/hc>.

#### Làm sạch & Tệt trùng

- Hoàn thành quy trình làm sạch được mô tả trong phần trên.
- Cho đầu mút vào một túi khử trùng bằng giấy và niêm phong, đảm bảo rằng nó được đầy kín. Sử dụng túi tự dính hoặc túi nhiệt.
- Khử trùng đầu quần trong nồi hấp với các điều kiện sau:
  - Tiệt trùng trong nồi hấp loại trọng lực ở 135°C (275°F) trong 10 phút rồi làm khô trong 30 phút.
  - Tiệt trùng trong nồi hấp loại chân không ở 134°C (273.2°F) trong 4 phút rồi làm khô trong 20 phút.
  - Tiệt trùng trong nồi hấp loại trọng lực ở 121°C (249.8°F) trong 30 phút rồi làm khô trong 15 phút.
- Sử dụng chương trình hấp tệt trùng để làm khô đầu quần trước khi mở nồi hấp.
- Có thể tái tệt trùng đầu máy quét tới 150 lần. Sau khi đạt đến giới hạn này, phải thải bỏ theo hướng dẫn trong phần thải bỏ.
- Thời gian và nhiệt độ hấp có thể thay đổi tùy thuộc vào loại nồi hấp và nhà sản xuất. Vì lý do này, nó có thể không đáp ứng được số lần tối đa. Vui lòng tham khảo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất nồi hấp mà bạn đang sử dụng để xác định xem các điều kiện bắt buộc có được đáp ứng hay không.

#### CẢN TRỌNG

- Gương của đầu máy quét là bộ phận quang học dễ vỡ nên cần được xử lý cẩn thận để đảm bảo chất lượng quét tối ưu. Hãy cẩn thận không làm trầy xước hoặc làm nhòe gương vì bất kỳ thiệt hại hoặc khuyết điểm nào có thể ảnh hưởng đến dữ liệu thu được.
- Quần đầu máy quét bằng gác bông trước khi hấp tệt trùng để ngăn vết bẩn vĩnh viễn trên gương. Tham khảo hướng dẫn vận hành của nồi hấp tệt trùng để biết các thông số tệt trùng cụ thể.
- Sau khi đầu mút đã được làm sạch, khử trùng và tệt trùng thì vẫn phải vô trùng cho đến khi chúng được sử dụng cho bệnh nhân.
- Medit không chịu trách nhiệm về bất kỳ hư hỏng nào, bao gồm cả biến dạng đầu quét, xảy ra do không tuân thủ hướng dẫn cho quy trình làm sạch, khử trùng hoặc tệt trùng đã nêu ở trên.

#### 4.2.2 Gương

Sự hiện diện của các tạp chất hoặc vết ố trên gương soi có thể dẫn đến chất lượng quét kém và trải nghiệm quét tổng thể kém. Trong những trường hợp như vậy, hãy làm sạch gương theo các bước dưới đây:

- Ngắt kết nối đầu máy quét khỏi tay cầm i900 Mobility.
- Đổ còn lên một miếng vải sạch hoặc tấm bông và lau gương. Đảm bảo sử dụng rượu không có tạp chất nếu không có thể làm ố gương. Bạn có thể sử dụng etanol hoặc propanol (cồn etylic/propyl).
- Lau khô gương bằng một miếng vải khô, không xơ.
- Đảm bảo gương không có bụi và xơ. Lặp lại quy trình làm sạch nếu cần.

#### 4.2.3 Tay Cầm

Sau khi xử lý, làm sạch và khử trùng tất cả các bề mặt khác của tay cầm i900 Mobility ngoại trừ mặt trước của máy quét (cửa sổ quang học) và phần cuôi (lỗ thoát khí). Làm sạch và khử trùng phải được thực hiện khi thiết bị đã tắt. Chỉ sử dụng thiết bị sau khi thiết bị khô hoàn toàn.

Khuyến khích sử dụng dịch tẩy rửa và khử trùng là cồn biến tính (cồn etylic hoặc etanol) - thường 60 - 70% Alc/Vol.

Quy trình làm sạch và khử trùng chung như sau:

- Tắt thiết bị bằng nút nguồn.
- Rút tất cả các cáp khỏi bộ chia không dây.
- Làm sạch bộ lọc ở đầu trước của tay cầm i900 Mobility.
  - Nếu rượu được đổ trực tiếp vào bộ lọc, nó có thể ngấm vào bên trong tay cầm i900 Mobility và gây ra sự cố.
  - Không làm sạch bộ lọc bằng cách đổ trực tiếp còn hoặc dung dịch tẩy rửa vào bộ lọc. Bộ lọc phải được lau nhẹ bằng bông hoặc vải mềm thấm cồn. Không lau bằng tay hoặc dùng lực quá mạnh.
  - Medit không chịu trách nhiệm về bất kỳ hư hỏng hoặc trục trặc nào xảy ra trong quá trình vệ sinh không tuân theo các hướng dẫn trên.
- Sau khi vệ sinh bộ lọc, đặt nắp vào phía trước máy quét cầm tay i900 Mobility.
- Đổ chất khử trùng lên một miếng vải mềm, không xơ và không mài mòn.
- Lau bề mặt máy quét bằng vải.
- Lau khô bề mặt bằng vải sạch, khô, không xơ và không mài mòn.

#### CẢN TRỌNG

- Không vệ sinh tay cầm i900 Mobility khi thiết bị đang bật vì chất lỏng có thể xâm nhập vào máy quét và gây ra sự cố.
- Chỉ sử dụng sau khi thiết bị khô hoàn toàn.
- Các vết nứt do hóa chất có thể xuất hiện nếu sử dụng dung dịch tẩy rửa và khử trùng không phù hợp trong quá trình vệ sinh.

#### 4.2.4 Các Thành Phần Khác

- Đổ dung dịch tẩy rửa và khử trùng lên một miếng vải mềm, không xơ và không mài mòn.
- Lau bề mặt linh kiện bằng vải.
- Lau khô bề mặt bằng vải sạch, khô, không xơ và không mài mòn.

#### CẢN TRỌNG

- Các vết nứt do hóa chất có thể xuất hiện nếu sử dụng dung dịch tẩy rửa và khử trùng không phù hợp trong quá trình vệ sinh.

#### 4.3 Chất Thải

#### CẢN TRỌNG

- Đầu mút máy quét phải được khử trùng trước khi thải bỏ. Tiệt trùng đầu quét như mô tả trong phần "4.2.1 Đầu quét tái sử dụng."
- Vứt bỏ đầu máy quét như bạn làm với bất kỳ chất thải lâm sàng nào khác.
- Các thành phần khác được thiết kế để tuần thủ các chỉ dẫn sau:
  - RoHS, Hạn chế Sử dụng Một số Chất Nguy hiểm trong Thiết bị Điện và Điện tử. (2011/65/EU)
  - WEEE, Chỉ thị về Thiết bị Điện và Điện tử Rác thải. (2012/19/EU)

#### 4.4 Lưu Trữ Pin

- Cho pin vào một gói hoặc một hộp và bảo quản trong nhà, nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- Bảo quản pin ở nơi khô ráo với nhiệt độ môi trường từ 20°C đến trên 30°C (-4°F đến +86°F).
- Nếu không sử dụng trong thời gian dài, pin tự xả có thể biến đổi và chuyển sang chế độ ngủ. Để giảm thiểu ảnh hưởng của việc tắt kích hoạt, hãy bảo quản pin trong khoảng từ +10°C - +30°C (+50°F đến +86°F).
- Khi sạc lần đầu tiên sau khi bảo quản trong thời gian dài, dung lượng pin có thể giảm do gói ngừng hoạt động. Khôi phục lại pin qua nhiều chu kỳ sạc/xả đầy.
- Nếu pin được bảo quản trên 6 tháng, nên sạc pin ít nhất 6 tháng một lần để tránh việc giảm thời hạn sử dụng do tự phóng điện.

#### CẢN TRỌNG: Thông Số Kỹ Thuật An Toàn Pin

| Thông số kỹ thuật an toàn               |                  |                     |
|-----------------------------------------|------------------|---------------------|
| Quá tải                                 | Điện áp cảm biến | 4.250 V ± 0.020     |
|                                         | Điện áp ổn định  | 4.050 V ± 0.05      |
|                                         | Độ trễ cảm biến  | 1.0 giây ± 0.3      |
| Xả quá mức                              | Điện áp cảm biến | 2.50 V ± 0.050      |
|                                         | Điện áp ổn định  | 2.90 V ± 0.10       |
|                                         | Độ trễ cảm biến  | 128 ms ± 38.4       |
| Dòng điện siêu tải                      | Cảm biến (Sạc)   | 12.0 A + 5.0 / -4.5 |
|                                         | Độ trễ cảm biến  | 16.0 ms ± 4.8       |
|                                         | Cảm biến (Xả)    | Tối thiểu 7.5 A     |
|                                         | Độ trễ cảm biến  | 16.0 ms ± 4.8       |
| Mức tiêu thụ hiện tại ở chế độ vận hành |                  | Tối đa. 150.0 µA    |



Các thông số kỹ thuật an toàn có thể có được xác định bởi mô-đun điều khiển lấy dữ (PCM) trong danh sách bộ phận.

#### 4.5 Đều Phòng Khí Sử Dụng Pin và Hướng Dẫn Thải Bỏ

#### CẢN TRỌNG

- Đảm bảo hiểu đầy đủ về cách thay thế pin trước khi sử dụng.
- Sử dụng bộ sạc phù hợp với điện áp và dòng điện đã được chỉ định.
- Không cố thử sạc ngược. Việc sạc ngược có thể làm tăng áp suất khí bên trong pin và gây rò rỉ pin.
- Không cố sạc lại pin đã được sạc đầy. Sạc quá nhiều lần có thể dẫn đến giảm hiệu suất pin và gây hiện tượng quá nhiệt.
- Hiệu suất sạc giảm ở nhiệt độ dưới 0°C (32°F) và trên +45°C (113°F).
- Không làm ngắn mạch cực dương (+) và cực âm (-) với các vật bằng kim loại như dây kim loại, dây chuyền hoặc dây xích.
- Để tránh trục trặc hoặc hư hỏng, không làm rơi hoặc ném pin.
- Không làm biến dạng pin do áp suất quá cao.
- Không hàn trực tiếp bất cứ thứ gì lên bộ pin.
- Không cho phép trẻ em thay pin mà không có sự giám sát của người lớn.
- Không vứt bỏ pin như rác thải thông thường và tách pin ra khỏi đồ tái chế.
- Không vứt bỏ hoặc ném pin vào lửa. Nhiệt có thể gây nổ pin và hỏa hoạn.
- Tách pin ra khỏi nhau khi vứt bỏ các pin thứ cấp có hệ thống điện hóa khác nhau.
- Vứt bỏ pin bằng cách xả pin để tránh làm chập mạch nhiệt.
- Phương pháp thải bỏ pin có thể khác nhau tùy theo từng quốc gia và khu vực. Vứt bỏ pin đã qua sử dụng theo luật và quy định của địa phương.

#### 4.6 Cập nhật phần mềm

##### 4.6.1 Cập Nhật Medit Scan for Clinics

Medit Scan for Clinics tự động kiểm tra các bản cập nhật khi phần mềm đang hoạt động. Hệ thống sẽ tự động tải xuống phiên bản mới của phần mềm, nếu có.

##### 4.6.2 Cập nhật trong Medit Link Express

Medit Link Express tự động kiểm tra bản cập nhật khi phần mềm đang hoạt động. Hệ thống sẽ tự động tải xuống phiên bản mới của phần mềm, nếu có, miễn là bạn đã bật tự động cập nhật trong phần cài đặt của iPad.

## 5. Hướng Dẫn An Toàn

Vui lòng tuân thủ tất cả các quy trình an toàn được mô tả chi tiết trong Hướng dẫn sử dụng này để phòng tránh thương tích cho người và hư hỏng thiết bị. Tài liệu này sử dụng các từ CẢNH BÁO và CẦN TRỌNG khi làm nổi bật các thông báo liên quan đến việc phòng tránh.

Đọc kỹ và hiểu rõ các hướng dẫn, bao gồm tất cả các thông báo phòng ngừa được bắt đầu bằng các từ CẢNH BÁO và CẦN TRỌNG. Để tránh chấn thương cơ thể hoặc hư hỏng thiết bị, hãy đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các hướng dẫn an toàn. Tất cả các hướng dẫn và biện pháp phòng ngừa như được chỉ định trong Hướng dẫn An toàn phải được tuân thủ để đảm bảo chức năng của hệ thống hoạt động thích hợp và giữ an toàn cá nhân.

Hệ thống i900 Mobility chỉ nên được vận hành bởi các chuyên gia nha khoa và kỹ thuật viên đã được đào tạo để sử dụng hệ thống. Việc sử dụng hệ thống i900 Mobility cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích sử dụng như đã nêu trong phần "1.1 Mục đích sử dụng" có thể dẫn đến thiệt hại hoặc hư hỏng thiết bị. Vui lòng xử lý hệ thống i900 Mobility theo các hướng dẫn trong hướng dẫn an toàn.

Bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào liên quan đến thiết bị đều phải được báo cáo cho nhà sản xuất và cơ quan có thẩm quyền ở quốc gia thành viên nơi người dùng và bệnh nhân sinh sống.

### 5.1 Khái Niệm Cơ Bản Về Hệ Thống

Hệ thống i900 Mobility là một thiết bị y tế quang học có độ chính xác cao. Hãy làm quen với tất cả hướng dẫn vận hành và an toàn sau đây trước khi cài đặt, sử dụng và vận hành hệ thống i900 Mobility.

#### CẦN TRỌNG

- Hub không dây được thiết kế đặc biệt cho hệ thống i900 Mobility và không được phép dùng với bất kỳ thiết bị nào khác.
- Thiết bị này đã được đánh giá để cho phù hợp sử dụng trong môi trường kinh doanh. Khi sử dụng trong môi trường dân cư, rất có thể xảy ra nguy cơ bị nhiễu sóng vô tuyến.
- Nếu sản phẩm được bảo quản trong môi trường lạnh, hãy cho sản phẩm thời gian để điều chỉnh theo nhiệt độ của môi trường trước khi sử dụng.
- Nếu sử dụng ngay, có thể xảy ra hiện tượng ngưng tụ hơi nước, có thể làm hỏng các bộ phận điện tử bên trong thiết bị.
- Đảm bảo rằng tất cả các thành phần được cung cấp không bị hư hỏng vật lý. Bất kỳ thiết hại vật chất nào đối với thiết bị cũng có nguy cơ gây hại.
- Trước khi sử dụng hệ thống, cần kiểm tra để đảm bảo không có vấn đề gì như hư hỏng vật lý hoặc các bộ phận bị lỏng.
- Nếu có bất kỳ hư hỏng nào có thể nhìn thấy, không sử dụng sản phẩm và liên hệ với nhà sản xuất hoặc đại diện địa phương của bạn.
- Kiểm tra tay cầm i900 Mobility và các phụ kiện của thiết bị xem có cạnh sắc không.
- Khi không sử dụng, hệ thống i900 Mobility nên được đặt trên giá để bàn hoặc giá treo tường.
- Không lắp giá để bàn trên bề mặt nghiêng.
- Không đặt bất kỳ vật thể nào trên hệ thống i900 Mobility.
- Không đặt hệ thống i900 Mobility trên bất kỳ bề mặt nào đã được làm nóng hoặc ẩm ướt.
- Không chặn các lỗ thông hơi ở phía sau của hệ thống i900 Mobility. Nếu thiết bị quá nóng, hệ thống i900 Mobility có thể hoạt động sai hoặc ngừng hoạt động.
- Pin i900 Mobility chỉ tương thích với hệ thống i900 Mobility.
- Không chạm vào các cực sạc của pin sạc bằng tay hoặc các dụng cụ khác.
- Nếu chần sạc của pin sạc lại bị hỏng, không sử dụng nó và liên hệ với nhà sản xuất hoặc người quản lý khu vực.
- Nếu hình dạng của pin sạc bị biến dạng do rơi hoặc hư hỏng vật lý, tuyệt đối không được sử dụng và liên hệ với nhà sản xuất hoặc người quản lý khu vực.
- Không làm đổ bất kỳ chất lỏng nào lên hệ thống i900 Mobility.
- Tay cầm i900 Mobility và các thành phần đi kèm khác được làm bằng các linh kiện điện tử. Không cho phép bất kỳ loại chất lỏng hoặc vật thể lạ nào lọt vào.
- Không kéo hoặc bẻ cong cáp nối với hub không dây.
- Sắp xếp cẩn thận tất cả các dây cáp để bạn hoặc bệnh nhân của bạn không bị vấp hoặc vướng vào dây cáp. Bất kỳ lực kéo nào trên dây cáp đều có thể gây hỏng hệ thống i900 Mobility.
- Luôn đặt phích cắm Medit Power Adapter của hệ thống i900 Mobility ở vị trí dễ tiếp cận.
- Luôn theo dõi sản phẩm và bệnh nhân của bạn trong khi sử dụng sản phẩm để kiểm tra các bất thường.
- Tiến hành hiệu chuẩn, làm sạch, khử trùng và tiệt trùng theo đúng nội dung của hướng dẫn sử dụng.
- Nếu bạn làm rơi đầu mút i900 Mobility trên sàn, đừng cố sử dụng lại nó. Vứt bỏ đầu mút ngay lập tức vì có nguy cơ gương gần với đầu mút có thể đã bị bong ra.
- Do tính chất dễ vỡ, các đầu mút của i900 Mobility cần được xử lý cẩn thận. Để tránh làm hỏng đầu mút và gương bên trong của nó, hãy cẩn thận tránh tiếp xúc với răng hoặc đồ phục hình của bệnh nhân.
- Nếu hệ thống i900 Mobility bị rơi trên sàn hoặc nếu thiết bị bị va đập, nó phải được hiệu chuẩn trước khi sử dụng.
- Nếu thiết bị không thể kết nối với phần mềm, hãy tham khảo ý kiến của nhà sản xuất hoặc các đại lý được ủy quyền.
- Nếu thiết bị không hoạt động bình thường, chẳng hạn như có vấn đề về độ chính xác, hãy ngừng sử dụng sản phẩm và liên hệ với nhà sản xuất hoặc đại lý được ủy quyền.
- Chỉ cài đặt và sử dụng các chương trình đã được phê duyệt để đảm bảo chức năng thích hợp của hệ thống i900 Mobility.
- Trong trường hợp xảy ra tai nạn nghiêm trọng liên quan đến hệ thống i900 Mobility, hãy thông báo cho nhà sản xuất và báo cáo cho cơ quan quốc gia có thẩm quyền ở nơi người dùng và bệnh nhân cư trú.
- Nếu máy tính cá nhân được cài đặt phần mềm không có phần mềm bảo mật hoặc nếu có nguy cơ bị mã độc xâm nhập vào mạng, thì máy tính có thể bị xâm nhập bởi phần mềm độc hại (phần mềm độc hại như vi-rút hoặc worms làm hỏng máy tính của bạn).
- Phần mềm cho sản phẩm này phải được sử dụng tuân theo luật bảo vệ thông tin cá nhân và y tế.
- Để cách điện và duy trì sự an toàn về điện, một lớp phủ được phủ lên thiết bị, trừ những khu vực có cổng USB.
- Máy quét 3D có độ chính xác cao này đặc biệt dễ hư hỏng do va đập. Cần xử lý cẩn thận để tránh giảm hiệu suất do chấn động, bao gồm vô tình rơi rớt.

### 5.2 Đào Tạo Tiêu Chuẩn

#### CẢNH BÁO

Trước khi sử dụng hệ thống i900 Mobility cho các bệnh nhân của bạn:

- Bạn phải được đào tạo để sử dụng hệ thống hoặc đọc và hiểu đầy đủ Hướng dẫn sử dụng này.
- Bạn nên làm quen với việc sử dụng an toàn hệ thống i900 Mobility, như được trình bày chi tiết trong Hướng dẫn sử dụng này.
- Trước khi sử dụng hoặc sau khi thay đổi bất kỳ cài đặt nào, người dùng nên kiểm tra xem hình ảnh trực tiếp có được hiển thị đúng trong mục xem trước của máy ảnh chương trình hay không.

### 5.3 Trong Trường Hợp Thiết Bị Bị Lỗi

#### CẢNH BÁO

Nếu hệ thống i900 Mobility của bạn không hoạt động bình thường hoặc nếu bạn nghi ngờ rằng có vấn đề với thiết bị:

- Lấy thiết bị ra khỏi miệng bệnh nhân và ngừng sử dụng ngay lập tức.
- Ngắt kết nối thiết bị khỏi máy tính và kiểm tra lỗi.
- Tháo pin sạc ra khỏi hệ thống i900 Mobility.
- Liên hệ với nhà sản xuất hoặc đại lý được ủy quyền.
- Luật pháp nghiêm cấm các sửa đổi đối với hệ thống i900 Mobility vì chúng có thể ảnh hưởng đến sự an toàn của người dùng, bệnh nhân hoặc bên thứ ba.

### 5.4 Vệ Sinh

#### CẢNH BÁO

Để có điều kiện làm việc sạch sẽ và an toàn cho bệnh nhân, LUÔN LUÔN đeo găng tay phẫu thuật sạch khi:

- Xử lý và thay thế đầu mút.
- Sử dụng hệ thống i900 Mobility trên bệnh nhân.
- Chạm vào hệ thống i900 Mobility.

#### CẢNH BÁO

Hệ thống i900 Mobility và cửa sổ quang học của nó phải luôn được giữ sạch sẽ. Trước khi sử dụng hệ thống i900 Mobility cho bệnh nhân, hãy đảm bảo:

- Khử trùng hệ thống i900 Mobility như được mô tả trong phần "4.2 Quy trình Làm sạch, Sát khuẩn, Tiệt trùng."
- Sử dụng một đầu mút đã được khử trùng.

### 5.5 An Toàn Điện

#### CẢNH BÁO

- Hệ thống i900 Mobility là thiết bị loại II.
- Để tránh bị điện giật, hệ thống i900 Mobility chỉ được kết nối với nguồn điện có kết nối bảo vệ.
- Nếu bạn không thể cảm phích cắm do i900 Mobility cung cấp vào ổ cắm chính, hãy liên hệ với kỹ thuật viên có chuyên môn để thay thế phích cắm hoặc ổ cắm. Không phá vỡ các nguyên tắc an toàn này.
- Không sử dụng phích cắm loại tiếp đất được kết nối với hệ thống i900 Mobility cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích sử dụng.
- Hệ thống i900 Mobility chỉ sử dụng năng lượng qua sóng vô tuyến bên trong. Lượng bức xạ sóng vô tuyến thấp và không gây nhiều bức xạ điện từ xung quanh.
- Bạn có nguy cơ bị điện giật nếu cố gắng truy cập vào bên trong hệ thống i900 Mobility. Chỉ nhân viên dịch vụ có trình độ mới được truy cập vào hệ thống.
- Không kết nối hệ thống i900 Mobility với dải điện thông thường hoặc dây nối dài, vì những kết nối này không an toàn như ổ cắm nối đất.
- Việc không tuân thủ các nguyên tắc an toàn này có thể dẫn đến các nguy cơ sau:
  - » Tổng dòng điện ngắn mạch của tất cả thiết bị được kết nối có thể vượt quá giới hạn quy định trong EN/IEC 60601-1.
  - » Trở kháng của kết nối đất có thể vượt quá giới hạn quy định trong EN/IEC 60601-1.
- Không đặt chất lỏng như đồ uống gần hệ thống i900 Mobility và tránh làm đổ bất kỳ chất lỏng nào lên hệ thống.
- Không bao giờ làm đổ chất lỏng dưới bất kỳ hình thức nào lên hệ thống i900 Mobility.
- Sự ngưng tụ do thay đổi nhiệt độ hoặc độ ẩm có thể gây ra sự tích tụ hơi bên trong hệ thống i900 Mobility và có thể làm hỏng hệ thống.
- Trước khi kết nối hệ thống i900 Mobility với nguồn điện, hãy đảm bảo giữ hệ thống i900 Mobility ở nhiệt độ phòng trong ít nhất hai giờ để tránh hiện tượng ngưng tụ hơi nước.
- Nếu nhìn thấy hơi nước ngưng tụ trên bề mặt sản phẩm, phải để hệ thống i900 Mobility ở nhiệt độ phòng trong hơn 8 giờ.
- Bạn chỉ nên ngắt kết nối hệ thống i900 Mobility khỏi nguồn điện qua dây nguồn hoặc pin sạc của nó.
- Khi ngắt kết nối dây nguồn hoặc pin sạc, hãy giữ bề mặt để tháo nó ra.
- Trước khi ngắt kết nối, hãy đảm bảo đã tắt nguồn thiết bị bằng công tắc nguồn trên tay cầm.
- Các đặc tính PHÁT XẠ của thiết bị phù hợp để sử dụng trong các khu công nghiệp và bệnh viện (CISPR 11 Class A).
- Nếu được sử dụng trong môi trường dân cư (mà CISPR 11 Loại B thường được yêu cầu), thiết bị này có thể không cung cấp đầy đủ sự bảo toàn cho các dịch vụ liên lạc tần số vô tuyến.
- Chỉ sử dụng pin được cung cấp cho hệ thống i900 Mobility. Các loại pin khác có thể làm hỏng hệ thống i900 Mobility.
- Tránh kéo cáp truyền thông, cáp nguồn, etc. được sử dụng với hệ thống i900 Mobility.
- Chỉ sử dụng bộ chuyển đổi y tế được cung cấp cho hệ thống i900 Mobility. Các bộ điều chỉnh khác có thể làm hỏng hệ thống i900 Mobility.
- Không chạm vào các đầu nối của thiết bị và bệnh nhân vào cùng một lúc.

### 5.6 An Toàn Mắt

#### CẢNH BÁO

- Hệ thống i900 Mobility chiếu ánh sáng chói từ đầu mút trong quá trình quét.
- Ánh sáng chói chiếu ra từ đầu quét của i900 Mobility không gây hại cho mắt. Tuy nhiên, bạn không nên nhìn thẳng vào đèn sáng cũng như không hướng chùm sáng vào mắt người khác.
- Nhìn chung, các nguồn sáng cường độ cao có thể khiến mắt trở nên dễ tổn thương và khả năng bị phơi nhiễm thứ cấp cao.
- Cũng như khi tiếp xúc với nguồn ánh sáng cường độ cao khác, bạn có thể bị giảm thị lực tạm thời, đau, khó chịu hoặc suy giảm thị lực, tất cả đều làm tăng nguy cơ tai nạn thứ phát.
- Có một đèn LED phát ra bước sóng UV-C bên trong tay cầm i900 Mobility. Ánh sáng chỉ được chiếu xạ bên trong tay cầm i900 Mobility và không chiếu ra bên ngoài.
- Ánh sáng xanh dương có thể nhìn thấy bên trong máy quét cầm tay i900 Mobility là để hướng dẫn, không phải ánh sáng UV-C. Ánh sáng này là vô hại đối với cơ thể con người.
- Đèn LED UV-C hoạt động với bước sóng 270 - 285 nm.
- Tuyên bố từ chối trách nhiệm đối với những rủi ro liên quan đến bệnh nhân bị động kinh
- Không sử dụng hệ thống i900 Mobility cho bệnh nhân đã được chẩn đoán mắc bệnh động kinh do nguy cơ co giật và chấn thương.
- Vì lý do tương tự, nhân viên nha khoa đã được chẩn đoán mắc bệnh động kinh không được vận hành hệ thống i900 Mobility.

### 5.7 Nguy Cơ Gây Nổ

#### CẢNH BÁO

- Hệ thống i900 Mobility không được thiết kế để sử dụng gần chất lỏng, khí gây cháy hoặc trong môi trường có nồng độ oxy cao.
- Có nguy cơ nổ nếu bạn sử dụng hệ thống i900 Mobilty gần các loại thuốc gây mê dễ cháy.
- Pin sạc dùng cho hệ thống i900 Mobility được thiết kế gồm thiết bị an toàn.
- Pin sạc không được tiếp xúc với nhiệt độ quá cao như ánh nắng mặt trời hoặc những thứ tương tự. Không tuân thủ điều này có thể dẫn đến nổ pin. Hãy cẩn thận với việc bảo quản và bảo dưỡng pin.
- Bộ sạc pin được thiết kế để điều chỉnh dòng điện cung cấp sau khi sạc xong. Những nếu nó không được sử dụng trong một thời gian dài, hãy ngắt nguồn điện với bộ sạc pin hoặc tháo pin đã sạc đầy ra khỏi bộ sạc.

### 5.8 Máy Tạo Nhịp và Rủi Ro Nhiều ICD

#### CẢNH BÁO

- Máy khử rung tim cấy ghép (ICD) và máy tạo nhịp tim có thể bị nhiễu do một số thiết bị.
- Duy trì khoảng cách vừa phải với ICD hoặc máy tạo nhịp tim của bệnh nhân khi sử dụng hệ thống i900 Mobility.
- Để biết thêm thông tin về thiết bị ngoại vi dùng với hệ thống i900 Mobility, hãy xem hướng dẫn của nhà sản xuất tương ứng.

### 5.9 An toàn an ninh mạng

- Nếu xảy ra sự cố an ninh mạng, hãy ngừng sử dụng máy quét và phần mềm ngay lập tức. Tắt nguồn máy quét và đăng xuất khỏi phần mềm.
- Báo cáo sự việc ngay cho nhóm hỗ trợ của chúng tôi qua email, điện thoại hoặc các phương thức liên hệ sẵn có khác. Xem trang cuối của Hướng dẫn sử dụng để biết thông tin liên hệ.
- Khi báo cáo sự cố, vui lòng cung cấp thông tin càng chi tiết càng tốt, bao gồm thời gian xảy ra và mọi hành vi bất thường mà bạn nhận thấy. Thông tin này sẽ giúp chúng tôi giải quyết sự cố nhanh chóng.

6. Thông Tin Tương Thích Điện Tử

6.1    Khí thải điện từ

Hệ thống i900 Mobility được thiết kế để sử dụng trong môi trường điện từ theo các quy định bên dưới. Khách hàng hoặc người sử dụng hệ thống i900 Mobility phải đảm bảo rằng thiết bị được sử dụng trong môi trường như vậy.

| Hướng dẫn và Tuyên bố của nhà sản xuất - Phát xạ điện từ |                   |                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kiểm tra phát xạ                                         | Tuân thủ quy định | Môi trường điện từ - Hướng dẫn                                                                                                                                                                                                     |
| Phát xạ RF CISPR 11                                      | Nhóm 1            | i900 Mobility chỉ sử dụng năng lượng RF cho chức năng bên trong của thiết bị. Do đó, phát xạ RF của nó rất thấp và không có khả năng gây nhiễu cho các thiết bị điện tử gần đó.                                                    |
| Phát xạ RF CISPR 11                                      | Loại A            | Hệ thống i900 Mobility phù hợp để dùng trong mọi cơ sở. Điều này bao gồm các cơ sở trong nước và các cơ sở được kết nối trực tiếp với mạng lưới cấp điện hạ áp công cộng, cung cấp cho các tòa nhà sử dụng cho mục đích sinh hoạt. |
| Phát xạ sóng hài IEC 61000-3-2                           | Loại A            |                                                                                                                                                                                                                                    |
| Dao động điện áp / Phát xạ méo                           | Tuân thủ          |                                                                                                                                                                                                                                    |

 CẢNH BÁO

Hệ thống i900 Mobility được thiết kế chỉ dành cho chuyên gia chăm sóc sức khỏe sử dụng. Thiết bị/hệ thống này có thể gây nhiễu sóng vô tuyến hoặc có thể làm gián đoạn hoạt động của thiết bị gần đó. Có thể cần thực hiện các biện pháp giảm thiểu, như định hướng lại hoặc di chuyển hệ thống i900 Mobility hay che chắn vị trí đặt.

6.2    Miễn Dịch Điện Tử

•        Hướng dẫn 1

Hệ thống i900 Mobility được thiết kế để sử dụng trong môi trường điện từ theo các quy định bên dưới. Khách hàng hoặc người sử dụng hệ thống i900 Mobility phải đảm bảo rằng thiết bị được sử dụng trong môi trường như vậy.

| Hướng dẫn và Tuyên bố của Nhà sản xuất - Miễn dịch Điện từ                                                    |                                                                                                                                 |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kiểm tra khả năng miễn dịch                                                                                   | Mức thử nghiệm IEC 60601                                                                                                        | Mức độ tuân thủ                                                                                                                 | Môi trường điện từ - Hướng dẫn                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Phóng điện tĩnh điện (ESD) IEC 61000-4-2                                                                      | Tiếp điểm ± 8 kV ± 2 kV, ± 4 kV, ± 8 kV, ± 15 kV không khí                                                                      | Tiếp điểm ± 8 kV ± 2 kV, ± 4 kV, ± 8 kV, ± 15 kV không khí                                                                      | Sàn nhà nên được đóng bằng gỗ, bê tông hoặc gạch men. Nếu sàn nhà được phủ bằng vật liệu tổng hợp, khuyến khích độ ẩm tương đối ở mức ít nhất là 30%.                                                                                                                                                                  |
| Điện nhanh chuyển tiếp / Burst IEC 61000-4-4                                                                  | ± 2 kV đối với đường dây cung cấp điện ± 1 kV cho đường đầu vào/đầu ra                                                          | ± 2 kV đối với đường dây cung cấp điện ± 1 kV cho đường đầu vào/đầu ra                                                          | Chất lượng nguồn điện lưới nên tương thích với chất lượng của môi trường thương mại hoặc môi trường bệnh viện điển hình.                                                                                                                                                                                               |
| Tăng áp IEC 61000-4-5                                                                                         | Chế độ vi sai ± 0.5 kV, ± 1 kV                                                                                                  | Chế độ vi sai ± 0.5 kV, ± 1 kV                                                                                                  | Chất lượng nguồn điện lưới nên tương thích với chất lượng của môi trường thương mại hoặc môi trường bệnh viện điển hình.                                                                                                                                                                                               |
|                                                                                                               | Chế độ chung ± 0.5 kV, ± 1 kV, ± 2 kV                                                                                           | Chế độ chung ± 0.5 kV, ± 1 kV, ± 2 kV                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Sụt giảm điện áp, ngắt quãng ngắn và sự thay đổi điện áp trên đường dây đầu vào của nguồn điện IEC 61000-4-11 | 0% Ur (giảm 100% Ur) trong 0.5/1 chu kỳ<br>70% Ur (giảm 30% Ur) trong 25/30 chu kỳ<br>0% Ur (giảm 100% Ur) trong 250/300 chu kỳ | 0% Ur (giảm 100% Ur) trong 0.5/1 chu kỳ<br>70% Ur (giảm 30% Ur) trong 25/30 chu kỳ<br>0% Ur (giảm 100% Ur) trong 250/300 chu kỳ | Chất lượng nguồn điện lưới nên tương thích với chất lượng của môi trường thương mại hoặc môi trường bệnh viện điển hình. Nếu người dùng hệ thống i900 Mobility yêu cầu tiếp tục hoạt động trong thời gian nguồn điện bị gián đoạn, thì hệ thống i900 Mobility nên chuẩn bị nguồn cung từ nguồn điện liên tục hoặc pin. |
| Trường từ tính tần số nguồn (50/60Hz) IEC 61000-4-8                                                           | 30 A/m                                                                                                                          | 30 A/m                                                                                                                          | Từ trường tần số điện phải ở mức tương thích đặc trưng như vị trí trong môi trường thương mại hoặc môi trường bệnh viện điển hình.                                                                                                                                                                                     |
| Trường từ tính gần trong dải tần số 9 kHz đến 13.56 MHz Miễn dịch IEC 61000-4-39                              | 8 A/m<br>Điều chế 30 kHz CW                                                                                                     | 8 A/m<br>Điều chế 30 kHz CW                                                                                                     | Khả năng chống lại từ trường đã được thử nghiệm và chỉ áp dụng cho các bề mặt của vỏ bọc hoặc phụ kiện có thể tiếp cận được trong quá trình sử dụng.                                                                                                                                                                   |
|                                                                                                               | 65 A/m<br>134.2 kHz<br>PM 2.1 kHz                                                                                               | 65 A/m<br>134.2 kHz<br>PM 2.1 kHz                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                                                                                                               | 7.5 A/m<br>13.56 MHz<br>PM 50 kHz                                                                                               | 7.5 A/m<br>13.56 MHz<br>PM 50 kHz                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| LƯU Ý: Ur là điện áp chính (AC) trước khi áp dụng mức thử nghiệm.                                             |                                                                                                                                 |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

•        Hướng dẫn 2

| Khoảng cách an toàn được khuyến nghị giữa thiết bị liên lạc di động và cầm tay với hệ thống i900 Mobility |                                            |                                   |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------|--|
| Công suất đầu ra định mức tối đa của máy phát [W]                                                         | Khoảng cách tách biệt theo tần số phát [M] |                                   |  |
|                                                                                                           | IEC 60601-1-2:2014                         |                                   |  |
|                                                                                                           | 150 kHz đến 80 MHz<br>d = 1.2 √ P          | 80 MHz đến 2.7 GHz<br>d = 2.0 √ P |  |
| 0.01                                                                                                      | 0.12                                       | 0.20                              |  |
| 0.1                                                                                                       | 0.38                                       | 0.63                              |  |
| 1                                                                                                         | 1.2                                        | 2.0                               |  |
| 10                                                                                                        | 3.8                                        | 6.3                               |  |
| 100                                                                                                       | 12                                         | 20                                |  |

Đối với máy phát có mức công suất đầu ra lớn nhất không được liệt kê ở trên, khoảng cách tách biệt lý tưởng d tính bằng mét (m) có thể được ước tính bằng cách sử dụng phương trình áp dụng cho tần số của máy phát, trong đó P là công suất đầu ra lớn nhất của máy phát tính bằng watt (W) theo nhà sản xuất máy phát.  
LƯU Ý 1: Ở mức 80 MHz và 800 MHz, áp dụng khoảng cách tách biệt cho dải tần số cao hơn.  
LƯU Ý 2: Những hướng dẫn này có thể không áp dụng trong mọi tình huống. Sự lan truyền điện từ bị ảnh hưởng bởi sự hấp thụ và phản xạ từ các cấu trúc, vật thể và con người.

•        Hướng dẫn 3

Hệ thống i900 Mobility được thiết kế để sử dụng trong môi trường điện từ như bên dưới. Khách hàng hoặc người sử dụng hệ thống i900 Mobility phải đảm bảo rằng thiết bị được sử dụng trong môi trường như vậy.

| Hướng dẫn và Tuyên bố của Nhà sản xuất - Miễn dịch Điện tử |                                                           |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kiểm tra khả năng miễn dịch                                | Mức thử nghiệm IEC 60601                                  | Mức độ tuân thủ | Môi trường điện từ - Hướng dẫn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| RF dẫn điện IEC 61000-4-6                                  | 3 Vrms 150 kHz đến 80 MHz<br>Bên ngoài tần sóng ISM Bands | 3 Vrms          | Không nên sử dụng thiết bị truyền thông RF di động và điện thoại gần bất kỳ bộ phận nào của Hệ thống siêu âm, bao gồm cả dây cáp, hơn khoảng cách tách biệt được khuyến nghị. Điều này được tính toán bằng cách sử dụng phương trình áp dụng cho tần số của máy phát.                                                                                                                                                                                                                   |
|                                                            | 6 Vrms 150 kHz đến 80 MHz<br>Trong tần sóng ISM Bands     | 6 Vrms          | <b>Khoảng cách tách biệt được đề xuất (d):</b><br>d = 1.2 √ P<br><b>IEC 60601-1-2:2007</b><br>d = 1.2 √ P 80 MHz đến 800 MHz<br>d = 2.3 √ P 80 MHz đến 2.5 GHz<br><b>IEC 60601-1-2:2014</b><br>d = 2.0 √ P 80 MHz đến 2.7 GHz                                                                                                                                                                                                                                                           |
| RF bức xạ IEC 61000-4-3                                    | 3 V/m 80 MHz đến 2.7 GHz                                  | 3 V/m           | Trong đó P là định mức công suất đầu ra lớn nhất của máy phát tính bằng watt (W) theo nhà sản xuất máy phát, d là khoảng cách tách biệt được khuyến nghị tính bằng mét (m). Cường độ trường từ máy phát RF cố định, được xác định bằng khảo sát vị trí điện từ phải nhỏ hơn mức tuân thủ trong mỗi dải tần số. Có thể xảy ra nhiễu ở vùng lân cận của thiết bị được đánh dấu bằng ký hiệu sau:<br> |

LƯU Ý 1: Ở mức 80 MHz và 800 MHz, áp dụng dải tần số cao hơn.  
LƯU Ý 2: Những hướng dẫn này có thể không áp dụng trong mọi tình huống. Sự lan truyền điện từ bị ảnh hưởng bởi sự hấp thụ và phản xạ từ các cấu trúc, vật thể và con người.  
Lưu ý 3: Dải ISM (Công nghiệp, Khoa học và Y tế) trong khoảng từ 150 kHz đến 80 MHz là 6.765 MHz đến 6.795 MHz; 13.553 MHz đến 13.567 MHz; 26.957 MHz đến 27.283 MHz; và 40.66 MHz đến 40.70 MHz.

- Hướng dẫn 4
- Hệ thống 9000 Mobility được thiết kế để sử dụng trong môi trường điện tử trong đó nhiều sóng RF bức xạ được kiểm soát. Thiết bị liên lạc RF di động không được sử dụng gần hơn 30 cm (12 inch) đối với bất kỳ bộ phận nào của hệ thống 9000 Mobility. Nếu không, hiệu suất của thiết bị có thể bị suy giảm.

| Hướng dẫn và Tuyên bố của Nhà sản xuất - Miễn dịch Điện từ |                        |                                                                 |                                 |                          |                 |
|------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-----------------|
| Kiểm tra khả năng miễn dịch                                | Băng tần <sup>1)</sup> | Dịch vụ <sup>1)</sup>                                           | Điều chế                        | Mức thử nghiệm IEC 60601 | Mức độ tuân thủ |
| Trường lân cận từ Truyền thông không dây RF IEC 61000-4-3  | 380 – 390 MHz          | TETRA 400                                                       | Điều chế xung 18 Hz             | 27 V/m                   | 27 V/m          |
|                                                            | 430 – 470 MHz          | GMRS 460; FRS 460                                               | FM ±5 kHz<br>Độ lệch 1 kHz sine | 28 V/m                   | 28 V/m          |
|                                                            | 704 – 787 MHz          | LTE Band 13, 17                                                 | Điều chế xung 217 Hz            | 9 V/m                    | 9 V/m           |
|                                                            | 800 – 960 MHz          | GSM 800/900; TETRA 800; iDEN 820; CDMA 850; LTE Band 5          | Điều chế xung 18 Hz             | 28 V/m                   | 28 V/m          |
|                                                            | 1700 – 1990 MHz        | GSM 1800; CDMA 1900; GSM 1900; DECT; LTE Band 1, 3, 4, 25; UMTS | Điều chế xung 217 Hz            | 28 V/m                   | 28 V/m          |
|                                                            | 2400 – 2570 MHz        | Bluetooth; WLAN 802.11b/g/n; RFID 2450; LTE Band 7              | Điều chế xung 217 Hz            | 28 V/m                   | 28 V/m          |
|                                                            | 5100 – 5800 MHz        | WLAN 802.11a/n                                                  | Điều chế xung 217 Hz            | 9 V/m                    | 9 V/m           |

LƯU Ý: Những hướng dẫn này có thể không áp dụng trong mọi tình huống. Sự lan truyền điện từ bị ảnh hưởng bởi sự hấp thụ và phản xạ từ các cấu trúc, vật thể và con người.

 **CẢNH BÁO**

- Tránh sử dụng hệ thống 1900 Mobility bên cạnh hoặc trên thiết bị khác vì có thể dẫn đến hoạt động bất thường. Nếu việc sử dụng này là cần thiết, bạn nên quan sát thiết bị này và thiết bị khác để kiểm tra xem thiết bị có đang hoạt động bình thường hay không.
- Sử dụng phụ kiện, bộ chuyển đổi và cáp khác với những gì đã được Medit quy định hoặc cung cấp cho hệ thống 1900 Mobility có thể dẫn đến phát xạ điện từ cao hoặc giảm khả năng miễn nhiễm điện từ của thiết bị này và dẫn đến hoạt động bất thường.

<sup>1</sup> Đối với một số dịch vụ, chỉ bao gồm các tần số uplink.

## 7. Thông Tin Về Việc Tuân Thủ Kết Nối Không Dây

## 7.1 Tuyên bố Tuân thủ FCC



**Tuyên Bố Xác nhận Từ Ủy ban Truyền thông Liên bang**

Thiết bị này đã được thử nghiệm và tuân thủ các giới hạn cho phép kỹ thuật số Loại B, theo Phần 15 của Quy định FCC. Các giới hạn này được thiết kế để cung cấp sự bảo vệ hợp lý chống lại sự gây nhiễu tiêu cực trong việc lắp đặt ở khu dân cư. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể gây ra bức xạ điện từ không cần thiết và do đó có thể gây nhiễu tiêu cực cho liên lạc vô tuyến. Tuy nhiên, sự gây nhiễu có thể sẽ xảy ra trong một số điều kiện cụ thể. Nếu thiết bị này gây nhiễu tiêu cực cho việc thu sóng vô tuyến hoặc truyền hình, mắmdược xác định bằng cách tắt và bật thiết bị, người dùng nên cố gắng khắc phục sự nhiễu bằng một trong các biện pháp sau:

- Xoay hoặc di chuyển các ăng ten thu.
- Tăng khoảng cách giữa các thiết bị và máy thu.
- Kết nối thiết bị vào ổ cắm trên mạch khác với mạch điện mà máy thu được kết nối.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên radio/TV có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Thiệt hại này tuân thủ Phần 15 của Quy tắc FCC. Hoạt động tuân theo hai điều kiện sau: (1) Thiết bị này không được gây ra số nhiễu có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận một tần số nhiễu hoạt động được, bao gồm cả tần số nhiễu có thể gây ra hoạt động không mong muốn. FCC Cảnh Báo: Người dùng có thể mất quyền vận hành thiết bị khi có bất kỳ thay đổi hoặc sửa đổi nào đối với bản này và không được chấp thuận bởi bên chịu trách nhiệm. Thiết bị này và (các) ứng-tên của nó không được đặt cùng vị trí hoặc cùng động cơ với bất kỳ ứng-tên hoặc máy phát nào khác.

|                      |                |               |              |
|----------------------|----------------|---------------|--------------|
| ID FCC:              |                |               |              |
| Máy quét trong miệng | 2A2QMMO3-I900M | Hub không dây | 2A2QMMO3-WFH |

**LƯU Ý QUAN TRỌNG:**

## Tuyên Bố Bề Phơi Nhiễm Bức xạ Của FCC:

Thiết bị này tuân thủ các giới hạn phơi nhiễm bức xạ đối với môi trường không được kiểm soát do FCC quy định.  
Phải lắp đặt và vận hành hub không dây sao cho nguồn bức xạ cách cơ thể bạn tối thiểu 20 cm (8 inch). Có thể vô tình tiếp xúc trong khi lắp đặt hoặc vận hành.  
Máy quét cầm tay được thiết kế để dùng trực tiếp với cơ thể người.

## 7.2 Tuyên Bố Tuân Thủ IC

Thiết bị kỹ thuật số Loại B này tuân thủ theo ICES-003 của Canada.

Thiết bị này tuân thủ (các) tiêu chuẩn RSS miễn giấy phép của Bộ Công nghiệp Canada.

Hoạt động tuân theo hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không được gây nhiễu và (2) thiết bị này phải chấp nhận bất kỳ sự gây nhiễu nào, bao gồm cả sự gây nhiễu có thể gây ra hoạt động không mong muốn cho thiết bị.

Bất kỳ thay đổi hoặc sửa đổi nào không được nhà sản xuất phê duyệt rõ ràng có thể làm mất quyền vận hành thiết bị này của người dùng.

Thiết bị này và (các) Anten trên nó không được đặt cùng vị trí hoặc hoạt động cùng với bất kỳ Anten hoặc máy phát nào khác.

Thiết bị có thể tự động ngừng truyền trong trường hợp không có thông tin để truyền hoặc lỗi hoạt động.

Lưu ý rằng điều này không nhằm mục đích cam truyền thông tin điều khiển hoặc tín hiệu hoặc sử dụng các mã lặp lại khi được công nghệ yêu cầu.

|                             |                |                                   |
|-----------------------------|----------------|-----------------------------------|
| ID IC:                      |                |                                   |
| <b>Máy quét trong miệng</b> | 27675-MO3I900M | <b>Hub không dây</b> 27675-MO3WFH |

**LƯU Ý QUAN TRỌNG:**

## Tuyên Bố Về Phơi Nhiễm Bức Xạ IC

Thiết bị này tuân thủ các giới hạn phơi nhiễm bức xạ IC RSS-102 được quy định đối với môi trường không được kiểm soát. Phái lắp đặt và vận hành hàng không đầy sao nguồn bức xạ các cơ sở bạn tối thiểu 20 cm (8 inch). Có thể vô tình tiếp xúc trong khi lắp đặt hoặc vận hành. Máy quét cầm tay được thiết kế để dùng trực tiếp với các thế người.

### Chú Ý Truyền Thông Ấng Ten

Máy phát vô tuyến này đã được Bộ Đối mới, Khoa học và Phát triển kinh tế Canada (ISED) phê duyệt để hoạt động với các loại ăng-ten được liệt kê bên dưới, với độ thu tối đa cho phép. Các loại ăng-ten không có trong danh sách này có độ thu lớn hơn độ thu tối đa được chỉ định cho bất kỳ loại nào được liệt kê đều bị nghiêm cấm sử dụng với thiết bị này.

| Danh Sách Ắng Ten |      |                     |                 |                 |
|-------------------|------|---------------------|-----------------|-----------------|
| Loại              | Loại | Độ Thu Tối Đa (dBi) |                 |                 |
| INNO-AFP-0420     | FPCB | 2.4 GHz: 4.35 dBi   | 5 GHz: 4.51 dBi | 6 GHz: 6.86 dBi |
| INNO-AFP-0404-R   | FPCB | 2.4 GHz: 2.09 dBi   | 5 GHz: 3.27 dBi | 6 GHz: 3.69 dBi |
| INNO-AFP-0404-L   | FPCB | 2.4 GHz: 2.95 dBi   | 5 GHz: 4.58 dBi | 6 GHz: 4.79 dBi |

 Bảng tần Wi-Fi 6 GHz có thể không khả dụng ở một số quốc gia do các hạn chế theo quy định, bao gồm Brazil, China, Ecuador, India, Nicaragua, Panama, Russia, Ukraine và Uruguay.

### 7.3 Tuyên bố tuân thủ KC



ID KC: R-C-SX0-MO3-i900M

Thiết bị này đã được đánh giá để cho phù hợp sử dụng trong môi trường kinh doanh. Khi sử dụng trong môi trường dân cư, rất có thể xảy ra nguy cơ bị nhiễu sóng vô tuyến.

#### 7.4 Tuyên bố Tuân thủ của TELEC (Nhật Bản)



(R) 218-250616  
 (R) 218-250617

|                      |            |               |            |
|----------------------|------------|---------------|------------|
| ID MIC:              |            |               |            |
| Máy quét trong miệng | 218-250616 | Hub không dây | 218-250617 |

8. Thông Tin Chi Tiết

| Tên mẫu                                            | MO3-i900M                                                                          |
|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên thương mại                                     | i900 Mobility                                                                      |
| Đơn vị đóng gói                                    | 1 bộ                                                                               |
| Phân loại bảo vệ chống điện giật, bộ phận ứng dụng | Bộ phận Ứng dụng Phân loại II, Loại BF (Dầu quét tái sử dụng)                      |
| * Sản phẩm này là một thiết bị y tế.               |                                                                                    |
| Tay Cầm                                            |                                                                                    |
| Kích thước                                         | 202.9 x 42 x 42 mm ± 5% (không tính đầu quét tái sử dụng và pin sạc)               |
| Cân nặng                                           | 242 g ± 5% (không tính đầu quét tái sử dụng và pin sạc)                            |
| Nguồn điện                                         | Nguồn điện bên trong                                                               |
| Pin sạc                                            |                                                                                    |
| Tên mẫu                                            | MO3-REB                                                                            |
| Loại                                               | Lithium-ion                                                                        |
| Đầu ra                                             | 3.6 V DC, 11.34 Wh                                                                 |
| Kích thước                                         | 24.7 x 22 x 77.8 mm ± 5%                                                           |
| Cân nặng                                           | 66 g ± 5%                                                                          |
| Công năng                                          | 3 150 mAh                                                                          |
| Bộ sạc pin                                         |                                                                                    |
| Tên mẫu                                            | MO3-BC1                                                                            |
| Đầu vào                                            | 12 V DC, 3 A                                                                       |
| Kích thước                                         | 110 x 66 x 50.2 mm ± 5%                                                            |
| Cân nặng                                           | 158 g ± 5%                                                                         |
| Hub không dây                                      |                                                                                    |
| Tên mẫu                                            | MO3-WFH                                                                            |
| Đầu vào                                            | 5 V DC / 3 A                                                                       |
| Kích thước                                         | 109.6 x 65.6 x 51.9 mm ± 5%                                                        |
| Cân nặng                                           | 168 g ± 5%                                                                         |
| Medit Power Adapter                                |                                                                                    |
| Tên mẫu                                            | CDM045A3-W200V                                                                     |
| Kích thước                                         | 31.5 x 53.5 x 58 mm ± 5%                                                           |
| Cân nặng                                           | 142 g ± 5%                                                                         |
| Điện áp đầu vào                                    | Universal 100-240 Vac, đầu vào 50-60 Hz, không có bất kỳ công tắc trượt nào        |
| Đầu ra                                             | 5 V DC / 3 A<br>9 V DC / 3 A<br>12 V DC / 3 A<br>15 V DC / 3 A<br>20 V DC / 2.25 A |
| EMI                                                | CE / FCC Loại B, Dẫn điện và Bức xạ                                                |
| Cách bảo vệ                                        | OVP (Chế độ tự tắt khi giá trị điện áp vượt qua một mức định sẵn)                  |
|                                                    | SCP (Ngắt tạm thời để bảo vệ nguồn điện)                                           |
|                                                    | OVP (Chế độ tự tắt bảo vệ bộ nguồn)                                                |
| Bảo vệ chống điện giật                             | Loại II                                                                            |
| Chế độ vận hành                                    | Duy trì                                                                            |
| Mút tái sử dụng                                    |                                                                                    |
| Kích thước - Dây đủ đầu tip                        | Lớn 36.1 x 34.1 x 90.8 mm ± 5% (R x C x D)                                         |
|                                                    | Trung bình 36.1 x 34.1 x 90.4 mm ± 5% (R x C x D)                                  |
|                                                    | Nhỏ 36.1 x 34.1 x 90.3 mm ± 5% (R x C x D)                                         |
| Kích thước - Đầu tip                               | Lớn 26.9 x 19.7 mm ± 5% (R x C)                                                    |
|                                                    | Trung bình 22.4 x 16.3 mm ± 5% (R x C)                                             |
|                                                    | Nhỏ 18.36 x 13.1 mm ± 5% (R x C)                                                   |

|                                                                                                                                                                                                                 |                                                   |                                           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Cân nặng                                                                                                                                                                                                        | Lớn 14 g ± 5%<br>Trung 12 g ± 5%<br>Nhỏ 11 g ± 5% |                                           |
| Công cụ hiệu chuẩn                                                                                                                                                                                              |                                                   |                                           |
| Tên mẫu                                                                                                                                                                                                         | MO1-CT1                                           |                                           |
| Kích thước                                                                                                                                                                                                      | 160 x 48,5 mm ± 5% (C x Ø)                        |                                           |
| Cân nặng                                                                                                                                                                                                        | 205 g ± 5%                                        |                                           |
| Mô hình không dây                                                                                                                                                                                               |                                                   |                                           |
| 5 GHz                                                                                                                                                                                                           | Dải tần số                                        | 5210 – 5855 MHz                           |
|                                                                                                                                                                                                                 | Phương thức                                       | 802.11ax 80 MHz                           |
| 6 GHz (Sử dụng trong nhà)<br>* Bảng tần Wi-Fi 6 GHz có thể không khả dụng ở một số quốc gia do các hạn chế theo quy định, bao gồm Brazil, China, Ecuador, India, Nicaragua, Panama, Russia, Ukraine và Uruguay. | Dải tần số                                        | 6025 – 6985 MHz                           |
|                                                                                                                                                                                                                 | Phương thức                                       | 802.11ax 160 MHz                          |
| 2,4 GHz (Bluetooth / Bluetooth LE)                                                                                                                                                                              | Dải tần số                                        | 2402 – 2480 MHz                           |
|                                                                                                                                                                                                                 | Kênh truyền hình                                  | 79/40                                     |
|                                                                                                                                                                                                                 | Điều chế                                          | GFSK                                      |
| 2,4 GHz (Bluetooth LE)<br>Chỉ hub không dây. Kèm ăng-ten.                                                                                                                                                       | Dải tần số                                        | 2402 – 2480 MHz                           |
|                                                                                                                                                                                                                 | Kênh truyền hình                                  | 40                                        |
|                                                                                                                                                                                                                 | Kênh Băng thông                                   | 1 MHz<br>2 MHz                            |
|                                                                                                                                                                                                                 | e.i.r.p.                                          | 9,3 dBm                                   |
|                                                                                                                                                                                                                 | Điều chế                                          | GFSK                                      |
| Điều kiện vận hành, bảo quản và vận chuyển                                                                                                                                                                      |                                                   |                                           |
| Điều kiện vận hành                                                                                                                                                                                              | Nhiệt độ                                          | 18 – 28°C (64,4 – 82,4°F)                 |
|                                                                                                                                                                                                                 | Độ ẩm                                             | Độ ẩm tương đối 20 - 75% (không ngưng tụ) |
|                                                                                                                                                                                                                 | Áp suất không khí                                 | 800 – 1 100 hPa                           |
| Điều kiện bảo quản                                                                                                                                                                                              | Nhiệt độ                                          | -10 – 50°C (14 – 122°F)                   |
|                                                                                                                                                                                                                 | Độ ẩm                                             | Độ ẩm tương đối 20 - 80% (không ngưng tụ) |
|                                                                                                                                                                                                                 | Áp suất không khí                                 | 800 – 1 100 hPa                           |
| Điều kiện vận chuyển                                                                                                                                                                                            | Nhiệt độ                                          | -10 – 50°C (14 – 122°F)                   |
|                                                                                                                                                                                                                 | Độ ẩm                                             | Độ ẩm tương đối 20 - 80% (không ngưng tụ) |
|                                                                                                                                                                                                                 | Áp suất không khí                                 | 620 – 1 200 hPa                           |

 **CẢN TRỌNG:** Các dải tần được liệt kê dưới đây là bắt buộc đối với các khu vực được chỉ định.

| Khu vực   | Tần số trung tâm (MHz)                               | Dải tần số (MHz)                                      |
|-----------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Hàn Quốc  | 5210, 5775, 6025, 6185, 6345, 6505, 6665, 6825, 6985 | 5150–5250, 5725–5850, 5925–6425, 6425–7125            |
| Mỹ/Canada | 5210, 5775, 6025, 6185, 6345, 6505, 6665, 6825, 6985 | 5150–5250, 5725–5850, 5925–6425, 6425–6875, 6875–7125 |
| Châu Âu   | 5210, 5775, 6025, 6185, 6345                         | 5150–5250, 5725–5850, 5945–6425                       |
| Nhật Bản  | 5210, 5775, 6025, 6185, 6345                         | 5150–5250, 5725–5850, 5945–6425                       |



**EU** **REP**

**Meditrial Srl**

Via Po 9 00198, Rome Italy

**CH** **REP**

**Meditrial Europe Ltd**

Bahnhofstrasse 23 6300 Zug, Switzerland

**UK** **REP**

**Meditrial UK Ltd**

19 The Circle, Queen Elizabeth Street, London, SE1 2JE, United Kingdom



**Medit Corp.**

9F, 10F, 13F, 14F, 16F, 8, Yangpyeong-ro 25-gil, Yeongdeungpo-gu, Seoul, 07207, Republic of Korea Tel: +82-2-2193-9600

**Contact for Product Support**

Email: support@medit.com  
Tel: +82-2-2193-9600